LỜI MỞ ĐẦU

Phát triển một nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, một nền kinh tế hàng hoá năng động và tăng trưởng, hoà nhập với nền kinh tế thế giới là mục tiêu và cũng là con đường mà Đảng và Nhà nước ta đã tiến đến. Trong lịch sử phát triển của loài người, sản xuất chiếm một vai trò cực kỳ quan trọng, nó tạo ra của cải vật chất, cơ sở tồn tại và phát triển của con người. Và trong nền kinh tế đó tất nhiên cũng không thể hạ thấp vai trò của hoạt động sản xuất.

Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đều nhằm mục đích phục vụ tốt hơn cuộc sống con người. Vì vậy, họ không ngừng đặt câu hỏi làm cách nào để thu được lợi nhuận và không ngừng nâng cao lợi nhuận cũng như để đứng vững trong thị trường đầy cạnh tranh. Một trong nhiều biện pháp quan trọng mà các doanh nghiệp quan tâm đến đó là không ngừng tiết kiệm chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm. Đồng thời phải thường xuyên theo dõi tính toán, đo lường và ghi chép lập biểu đồ mọi hoạt động của doanh nghiệp.

Để thực hiện điều này, các doanh nghiệp cần phải tổ chức tốt công tác hạch toán kế toán. Vì đó là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến kết quả kinh doanh của một doanh nghiệp, có quản lý tốt công tác hạch toán kế toán. Vì đó là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến kết quả kinh doanh của một doanh nghiệp.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như bộ máy quản lý của công ty em nhận thấy kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nên luôn luôn đòi hỏi phải được hoàn thiện, phải có sự quan tâm, nghiên cứu nhằm đưa ra một phương pháp thống nhất, khoa học trong công tác hạch toán kế toán vì vậy em quyết định đi sâu vào nghiên cứu công tác kế toán của công ty với đề tài: "***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Việt Cường***".

Đối tượng nghiên cứu đề tài: Chuyên đề tập trung nghiên cứu quá trình hạch toán các nghiệp vụ

1. Hạch toán nghiệp vụ tiêu thụ hàng hoá
2. Hạch toán các chi phí liên quan đến tiêu thụ hàng hoá
3. Xác định kết quả tiêu thụ hàng hoá tại công ty

Mục đích nghiên cứu: Chuyên đề được thực hiện nhằm mục đích nghiên cứu những điểm hợp lý và bất hợp lý trong quá trình hạch toán nghiệp vụ bán hàng tại Công ty Cổ Phần Việt Cường. Từ đó đưa ra một số biện pháp hoàn thiện công tác hạch toán trong điều kiện hiện nay của Công ty.

Chuyên đề gồm 3 phần sau:

Phần 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh

Phần 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Việt Cường

Phần 3: Một số Giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Việt Cường

Trong quá trình thực tập, em đã được sự chỉ dẫn, giúp đỡ của các thầy cô bộ môn kế toán, các cô các chú, các anh chị phòng kế toán và cô giáo – Thạc sĩ Nguyễn Thị Mai Linh. Tuy nhiên, do vốn kiến thức còn hạn chế cùng với thời gian thực tế còn chưa nhiều nên luận văn của em khó tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô giáo để luận văn của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1.Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1.Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Doanh thu bán hàng và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp có mối quan hệ mật thiết với nhau. Doanh thu thể hiện số tiền bán hàng (tiêu thụ sản phẩm, cung cấp dịch vụ…) thu được. Còn kết quả kinh doanh thể hiện cái mà doanh nghiệp đã thu được sau khi trừ đi các chi phí đã bỏ ra. Vậy để tăng được lợi nhuận thì ngoài việc phải tăng doanh thu, doanh nghiệp còn phải tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, dịch vụ. Và để phản ánh được đầy đủ doanh thu, xác định kết quả kinh doanh một cách chính xác thì công tác kế toán doanh thu, chi phí và kế toán xác định kết quả kinh doanh là rất quan trọng.

1.1.2.Các khái niệm cơ bản.

1.1.2.1.Doanh thu.

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14, ***Doanh thu bán hàng*** được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(1) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(2) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(3) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(4) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

(5) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụđược xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

(1) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(2) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(3) Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập BCĐKT.

(4) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng ;

- Phương thức bán hàng trực tiếp: Theo phương thức này người mua đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp bán. Sau khi doanh nghiệp giao hàng, người mua ký vào chứng từ bán hàng, nếu hội đủ các điều kiện ghi nhận doanh thu, không kể người mua đã thanh toán hay mới chỉ chấp nhận thanh toán, số hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ và ghi nhận doanh thu

- Phương thức gửi hàng: Theo phương thức này, định kỳ doanh nghiệp gửi hàng cho khách hàng trên cơ sở thoả thuận trên hợp đồng. Khi xuất kho, hàng gửi bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi đó hàng mới được coi là tiêu thụ và được ghi nhận vào doanh thu bán hàng của doanh nghiệp

- Phương thức bán thông qua đại lý: Trong trường hợp này khi doanh nghiệp gửi hàng đi cho đại lý, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ hạch toán vào doanh thu bán hàng khi đại lý trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền cho số hàng gửi bán

- Phương thức bán hàng trả góp: Theo phương thức này, khi xuất giao hàng cho khách hàng, khách hàng sẽ thanh toán 1 phần tiền hàng, còn lại sẽ trả dần vào các kỳ sau và chịu khoản lãi theo quyết định của hợp đồng. Hàng giao được xác định là

tiêu thụ, doanh thu bán hàng được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền 1 lần, còn khoản lãi do bán trả góp được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.

- Phương thức bán hàng trả chậm: Doanh nghiệp chuyển quyền sở hữu sản phẩm cho khách hàng và nhận lấy sự cam kết của khách hàng trong tương lai. Như vậy doanh thu bán hàng sẽ được xác định ở kỳ này nhưng đến kỳ sau mới có tiền nhập quỹ

- Phương thức bán hàng đổi hàng: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở trao đổi giữa doanh nghiệp và khách hàng. Khi doanh nghiệp xuất hàng thì nhận doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra. Khi nhận hàng của khách hàng, kế toán phải hạch toán nhập kho và thuế GTGT đầu vào

***Doanh thu tiêu thụ nội bộ*:** Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được liên quan tới hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán. Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng, lãi do cho vay vốn, lãi bán hàng trả chậm, lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, cổ tức và lợi nhuận được chia, thu từ cho thuê quyền sở hữu, sử dụng tài sản, cho thuê cơ sở hạ tầng, thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản, chiết khấu thanh toán được hưởng, thu nhập khác có liên quan đến hoạt động tài chính.

****/ Các nguyên tắc xác định doanh thu***

Doanh thu chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện ghi nhận cho doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi tức được quy định tại chuẩn mực "Doanh thu và thu nhập khác"

-Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và theo năm tài chính.

- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo

phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có thuế GTGT.

-Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán có thuế GTGT).

-Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế xuất khẩu thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu)

-Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Các khoản giảm trừ doanh thu

- *Chiết khấu thương mại*: Là số tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua do mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

- *Giảm giá hàng bán:* Là số tiền giảm trừ cho khách hàng ngoài hoá đơn hay hợp đồng cung cấp dịch vụ do các nguyên nhân đặc biệt như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng…(do chủ quan doanh nghiệp).

- *Hàng bán bị trả lại:* Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối thanh toán và trả lại do người bán vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Giá trị của hàng bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh giảm doanh thu thuần của hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ.

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: Được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu các mặt hàng, dịch vụ mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất và hạn chế tiêu thụ như rượu, bia, thuốc lá…

- *Thuế xuất khẩu*: Được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc uỷ thác xuất khẩu thì phải nộp thuế này.

- *Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp*: là số thuế gián thu tính trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hoá dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến người tiêu dùng và người tiêu dùng là người chịu thuế.

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập phát sinh từ các hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu như: thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng,...

Doanh thu thuần là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng với các khoản giảm trừ doanh thu,Thuế TTĐB,Thuế XNK

1.1.2.2.Chi phí

-Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kì kế toán nhất định

+/ Giá vốn hàng bán

là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hóa lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất (giá thành công xưởng) hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

+/ Chi phí bán hàng

Để phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá được thuận lợi, đạt được những mục tiêu danh lợi đã đặt ra, doanh nghiệp phải bỏ ra các chi phí để thực hiện công tác tiếp thị, quảng cáo, bao gói, chi phí bảo hành, lương nhân viên bán hàng, khấu hao ở bộ phận bán hàng, chi phí vật liệu, dụng cụ, chi phí dịch vụ mua ngoài... gọi chung là chi phí bán hàng. Nói một cách cụ thể hơn chi phí bán hàng là chi phí lưu thông và chi phí tiếp thị phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm.

+/ Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm nhiều khoản cụ thể cói nội dung, công dụng khác nhau.

+/ Chi phí tài chính: là toàn bộ các khoản chi phí và khoản lỗ liên quan đến hoạt động tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, các kho ản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán…

+/ Chi phí khác: là các khoản chi phí của hoạt động khác ngoài hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

-Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

+Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)

+Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

+Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.

+Bị phạt thuế, truy nộp thuế

+Các khoản chi phí khác.

+/ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế đánh trên thu nhập chịu thuế của doanh nghiệp

Thuế TNDN=Thu nhập chịu thuế *thuế suất thuế TNDN

Thu nhập chịu thuế =DT tính thuế - Cp hợp lí hợp lệ +TN chịu thuế khác.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm , là căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp năm tài chính.

1.1.2.3.Xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ kế toán năm.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (Gồm giá cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất sản phẩm của xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động tài chính: Là chênh lệch giữa thu nhập hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác: Là chênh lệch giữa khoản thu nhập khác và chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh thông thường và kết quả hoạt động khác.

. Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường được được xác định bằng công thức sau:

Lãi(lỗ) từ hoạt động KD	=	DTT về BH và cung cấp DV	-	Giá vốn hàng bán	+	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí hoạt động tài chính	-	CPBH và QLDN tính cho hàng tiêu thụ trong kỳ

Trong đó: Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ tính bằng tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trừ đi các khoản giảm trừ.

Kết quả hoạt động khác là các kết quả từ hoạt động bất thường khác không tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

Lợi nhuận khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

Để phục vụ yêu cầu quản trị của doanh nghiệp, kết quả kinh doanh có thể được phân biệt rõ thành kết quả riêng của từng loại hoạt động như kết quả hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, kết quả hoạt động tài chính, kết quả khác. Trong đó kết quả bán hàng và cung cấp dịch vụ còn có thể được xác định theo từng nhóm, từng loại, từng sản phẩm, hàng hoá dịch vụ riêng biệt.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một thời kỳ có thể mang giá trị âm hoặc dương(lỗ hoặc lãi). Nếu lỗ sẽ được xử lý bù đắp theo chế độ quy định của chế độ tài chính.

1.1.3.Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Để kế toán thực sự là công cụ sắc bén, đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý tình hình tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh các ghi chép đầy đủ kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ kịp thời chính xác các khoản doanh thu các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp, đồng thời phải theo dõi thật chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi kịp thời vốn kinh doanh.

- Phản ánh đầy đủ các chi phí phát sinh như giá vốn bán hàng, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, cũng như các chi phí khác làm cơ sở xác định kết quả bán hàng.

- Ngoài ra kế toán bán hàng còn nhiệm vụ kiểm tra giám sát thực hiện kế hoạch bán hàng, kế hoạch lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước, cung cấp thông tin cho việc lập các báo cáo tài chính.

1.2.Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.2.1.1.Chứng từ sử dụng.

- Hoá đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ (Hoá đơn thông thường Mẫu số 01 GTKT-3LL, Hoá đơn giá trị gia tăng Mẫu số 02 GTTT-3LL)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 03 PXK-3LL)
- Tờ khai thuế GTGT
- Phiếu thu tiền mặt (Mẫu số 01-TT)
- Uỷ nhiệm chi, séc chuyển khoản, bảng sao kê của ngân hàng...
- Bảng sao kê của ngân hàng
- Bảng kê hoá đơn chứng từ hàng hoá dịch vụ bán ra

1.2.1.2 Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư.
- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động…

Kết cấu của TK 511:

Bên nợ: - Các khoản giảm doanh thu bán hàng (Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại)

- Số thuế xuất khẩu và thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số thành phẩm được xác định trong kỳ.
- Cuối kỳ kết chuyển doanh thu thuần sang tài khoản 911-Xác định kết quả kinh doanh.

Bên có: Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ.

Tài khoản 511 không có số dư.

Tài khoản 511 có 6 tài khoản cấp 2

TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117: Doanh thu bất động sản đầu tư

TK5118:Doanh thu khác

Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ.

Kết cấu của TK512:

Bên nợ: - Phản ánh trị giá hàng bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong nội bộ.

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hoá đã bán nội bộ

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.

- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK911 – xác định kết quả kinh doanh.

Bên có: Doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán .

Tài khoản 512 không có số dư.

Tài khoản 512 có 3 tài khoản cấp 2

TK 5121: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5122: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

Phương pháp hạch toán doanh thu được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1: Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

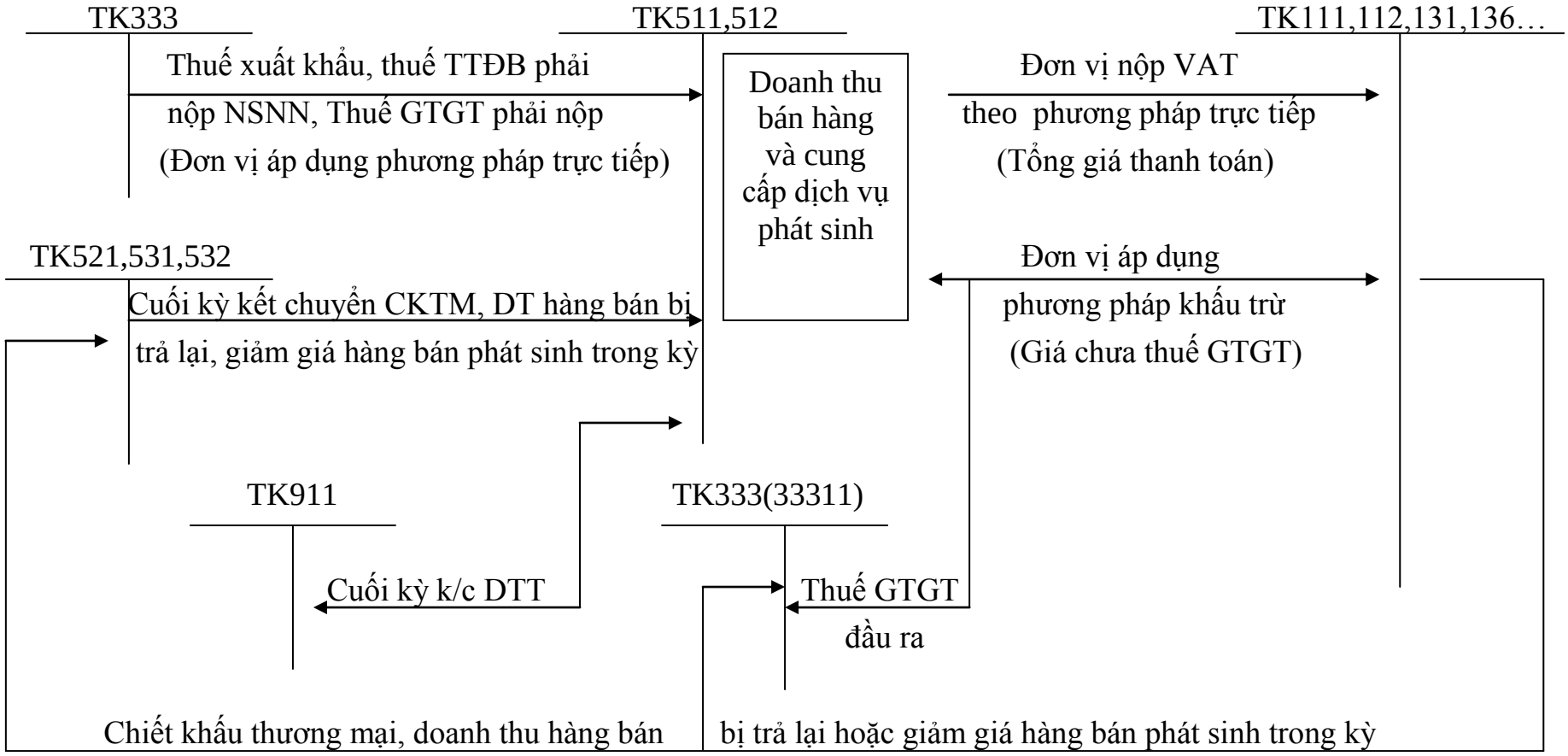

1.2.2.Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.2.1.Chứng từ sử dụng.

-Phiếu nhập kho hàng trả lại…

1.2.2.2.Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại.

Kết cấu của TK521:

Bên nợ: Chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Bên có: Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK511 để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

Tk521 không có số dư.

TK 521 gồm 3 tài khoản cấp 2:

TK5211 – Chiết khấu hàng hoá

TK5212 – Chiết khấu thành phẩm

TK5213 – Chiết khấu dịch vụ

Tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại.

Kết cấu của TK 531:

Bên nợ: Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán.

Bên có: Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ của TK511 hoặc TK512 để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

Tài khoản 531 không có số dư.

Tài khoản 532 - Giảm giá hàng bán.

Kết cấu của TK532:

Bên nợ: Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên có: Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK511 hoặc TK512 để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

Tài khoản 532 không có số dư.

Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp nhà nước.

Tài khoản này phản ánh các quan hệ của doanh nghiệp với nhà nước về các khoản thuế , phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào ngân sách nhà nước trong kỳ kế toán năm.

Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được thể hiện qua sơ đồ sau.

Sơ đồ 2:Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

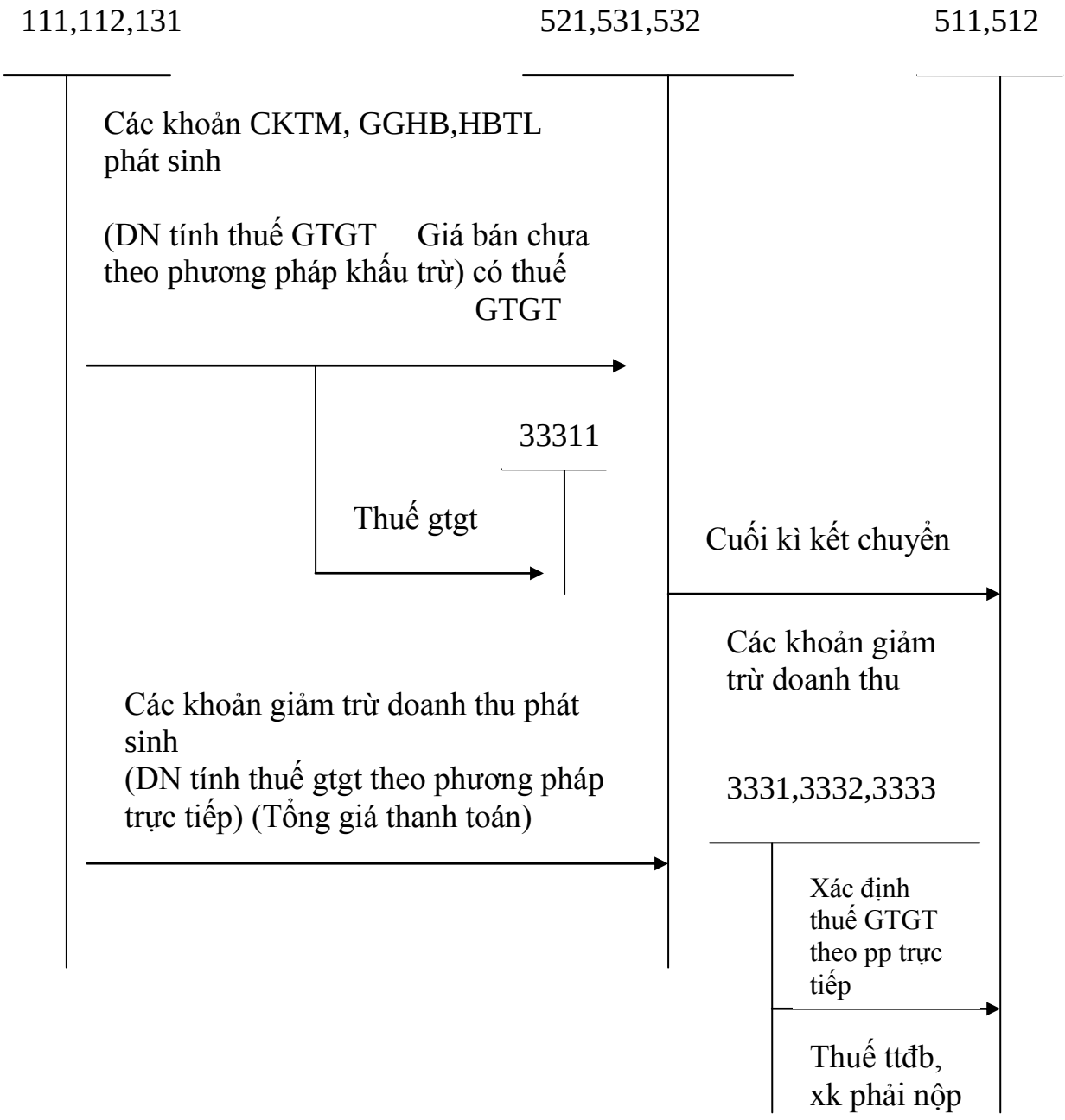

1.2.3.Kế toán giá vốn hàng bán.

Phương pháp tính trị giá vốn hàng bán.

Đối với doanh nghiệp sản xuất, trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa đi bán ngay chính là giá thành sản phẩm thực tế của sản phẩm hoàn thành.

Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm: Trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán

Do mỗi doanh nghiệp có đặc điểm riêng, yêu cầu trình độ quản lí, điều kiện trang thiết bị khác nhau mà phương pháp xác định trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho phù hợp. Theo chuẩn mực 02-hàng tồn kho ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001. Việc tính giá thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

* Phương pháp tính theo giá đích danh

Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được từng lô hàng. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó.

* Phương pháp bình quân gia quyền

Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

$$\textit{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \textit{Số lượng hàng xuất kho} * \textit{Đơn giá bình quân}$$

$$\textit{Đơn giá bình quân} = \frac{\textit{Trị giá của hàng tồn kho đầu kỳ} + \textit{Giá trị của hàng nhập trong kỳ}}{\textit{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \textit{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

* Phương pháp nhập trước - xuất trước

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được nhập trước thì được xuất trước và lấy đơn giá xuất kho bằng đơn giá nhập kho. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập sau cùng.

* Phương pháp nhập sau - xuất trước

Áp dụng dựa trên giả định là hàng nào nhập sau thì được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Theo phương pháp này thì giá trị lô hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, trị giá hàng tồn kho được tính theo giá của lô hàng những lần nhập đầu tiên.

a.Chứng từ kế toán sử dụng.

-Phiếu xuất kho

-Biên bản bàn giao kiêm phiếu xuất kho

-Bảng kê mua hàng.

-Các chứng từ thanh toán như:Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng…

b.Tài khoản kế toán sử dụng.

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ.

Tài khoản này phản ánh trị giá hàng hoá, sản phẩm đã được gửi hoặc chuyển tới khách hàng nhờ bán đại lý, ký gửi, nhưng chưa được chấp nhận thanh toán.

Kết cấu của TK632:

Bên nợ: - Tập hợp giá vốn của thành phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư đã được coi là tiêu thụ trong kỳ.

- Các khoản khác được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Bên có: - Giá vốn hàng bán bị trả lại trong kỳ

- Kết chuyển giá vốn hàng tiêu thụ trong kỳ để xác định kết quả KD

Tài khoản 632 không có số dư

Tài khoản 611 – Mua hàng: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá nguyên liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa mua vào nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ.

TK 611 chỉ áp dụng đối với DN kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

TK 611 không có số dư và có 2 TK chi tiết cấp 2

TK 6111 – Mua nguyên liệu,vật liệu

TK 6112 – Mua hàng hóa

Sơ đồ 3.Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX

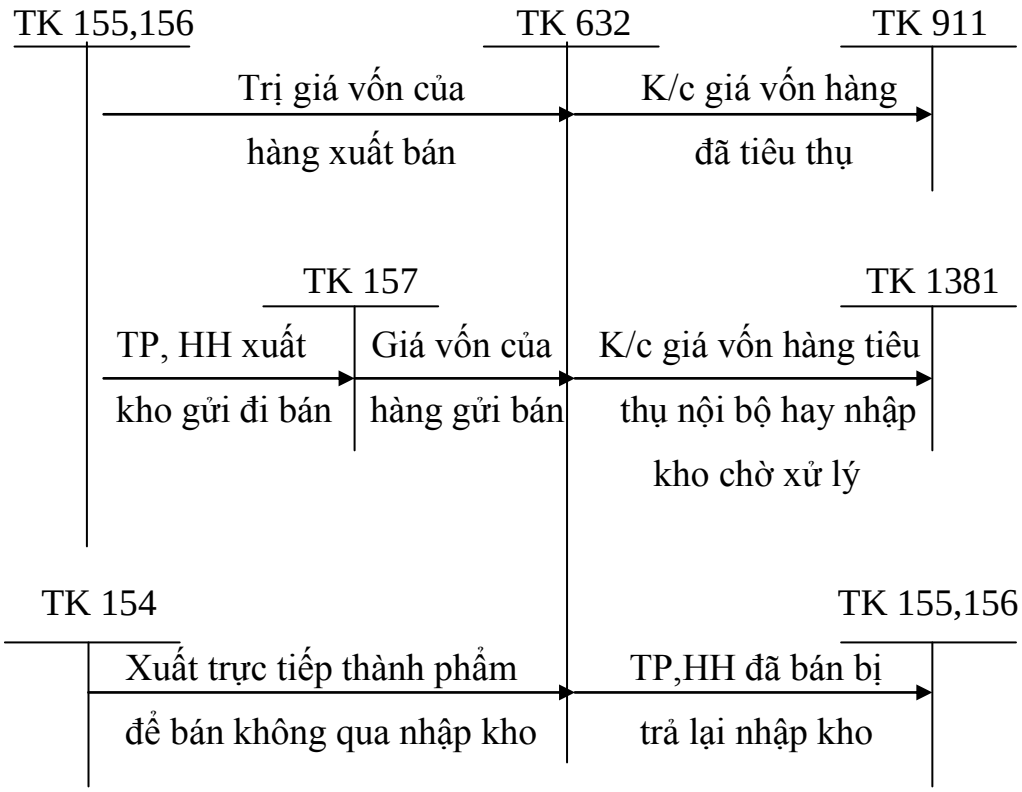

Sơ đồ 4.Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK

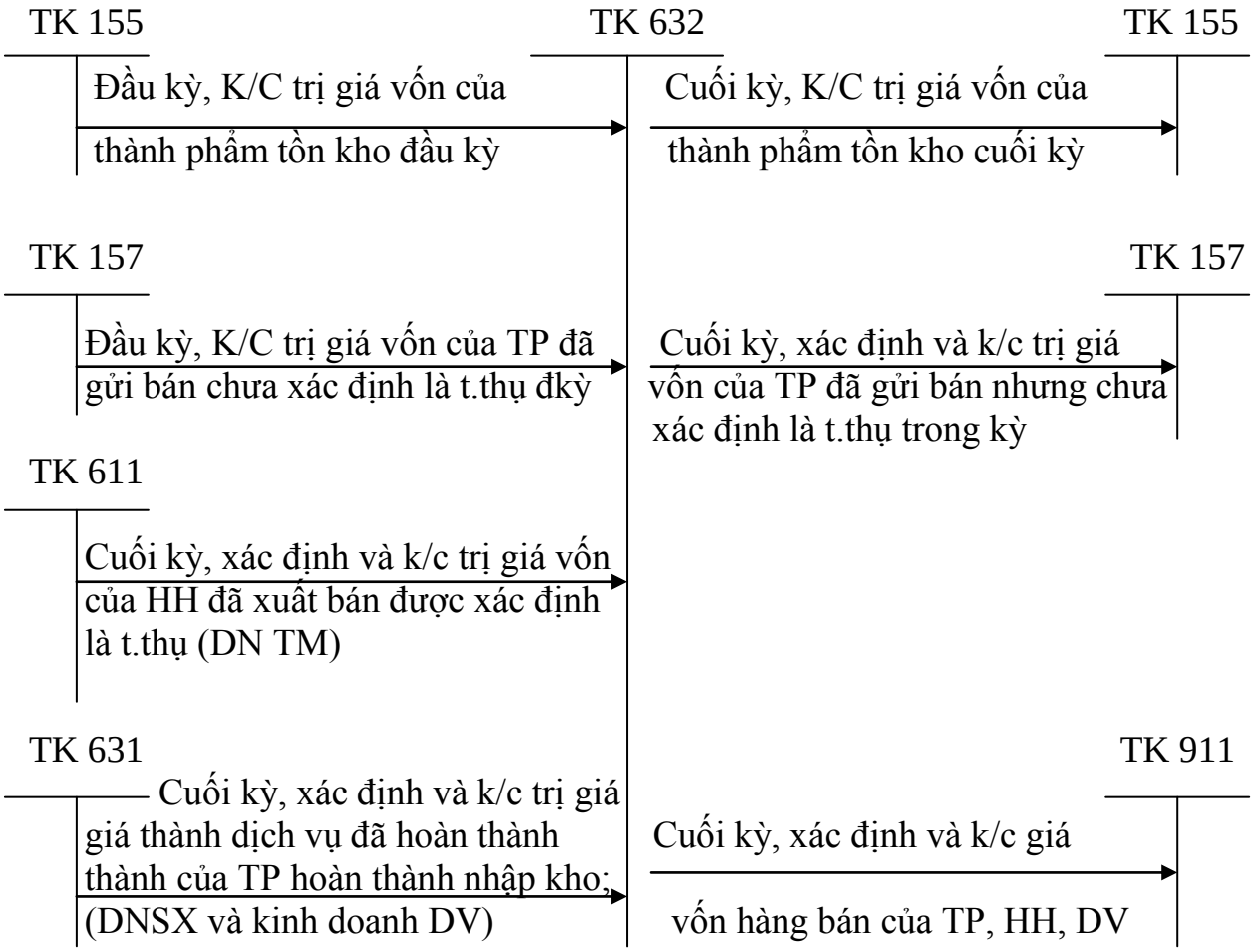

1.2.4.Kế toán chi phí bán hàng và chi phí QLDN.

1.2.4.1.Chứng từ sử dụng.

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT – 3LL)

…

1.2.4.2.Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

Kết cấu của TK641:

Bên nợ: - Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ.

Bên có: Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK911 để xác định kết quả KD.

Tài khoản 641 không có số dư.

Tài khoản 641 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như:

- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

TK 642 –Chi phí quản lí doanh nghiệp.

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp: Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp…), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác…

Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

Chi phí quản lý doanh nghiệp tuỳ theo đặc điểm hạch toán kế toán của từng doanh nghiệp mà sẽ được phân bổ cho hàng bán ra theo một tỷ lệ nhất định để tập hợp nên giá thành toàn bộ của sản phẩm, thông thường người ta sử dụng các chỉ tiêu thức phân bổ như: Phân bổ theo từng doanh số, phân bổ theo chi phí, phân bổ theo tiền lương.

Sơ đồ5:Sơ đồ kế toán tổng hợp chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

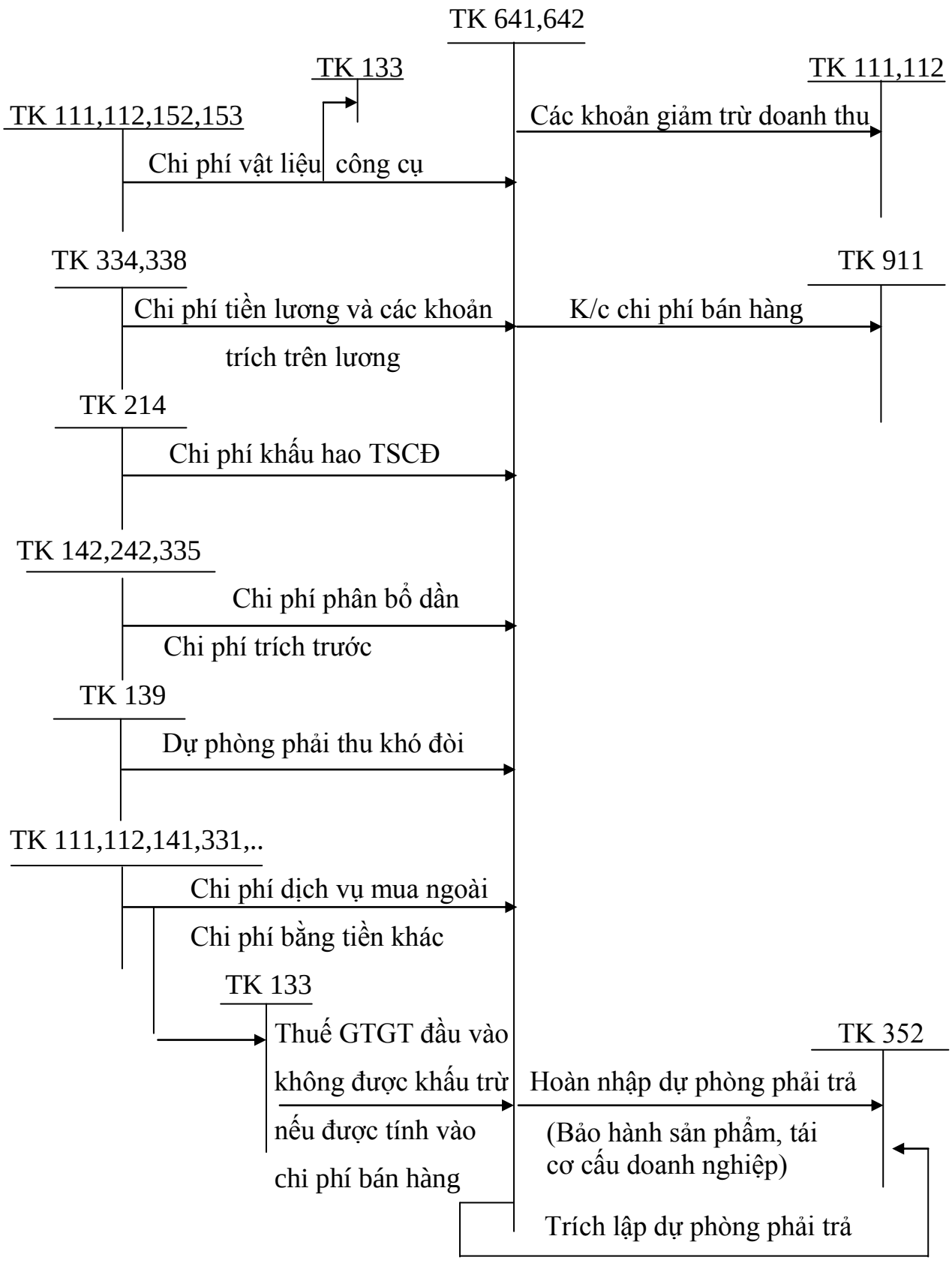

1.2.5.Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.

1.2.5.1.Chứng từ sử dụng.

- Giấy nộp tiền, Phiếu thu, Phiếu chi.
- Giấy báo có, giấy báo nợ, uỷ nhiệm chi.
- Bảng sao kê ngân hàng.

1.2.5.2.Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

Kết cấu TK515:

Bên nợ: - Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp nếu có

- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK911.

Bên có: - Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh.

- Chiết khấu thanh toán được hưởng.

- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh của hoạt động kinh doanh, phát sinh khi bán ngoại tệ, do đánh giá lại các khoản mục có nguồn gốc ngoại tệ.

- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản(giai đoạn trước hoạt động).

TK515 không có số dư.

Kết cấu TK 635.Chi phí tài chính

Bên Nợ: Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kì.

Bên Có :

+Các khoản ghi giảm chi phí tài chính.

+ Kết chuyển chi phí tài chính để xác định kết quả kinh doanh.

TK635 không có số dư.

Sơ đồ6:Sơ đồ kế toán tổng hợp doanh thu tài chính và chi phí tài chính

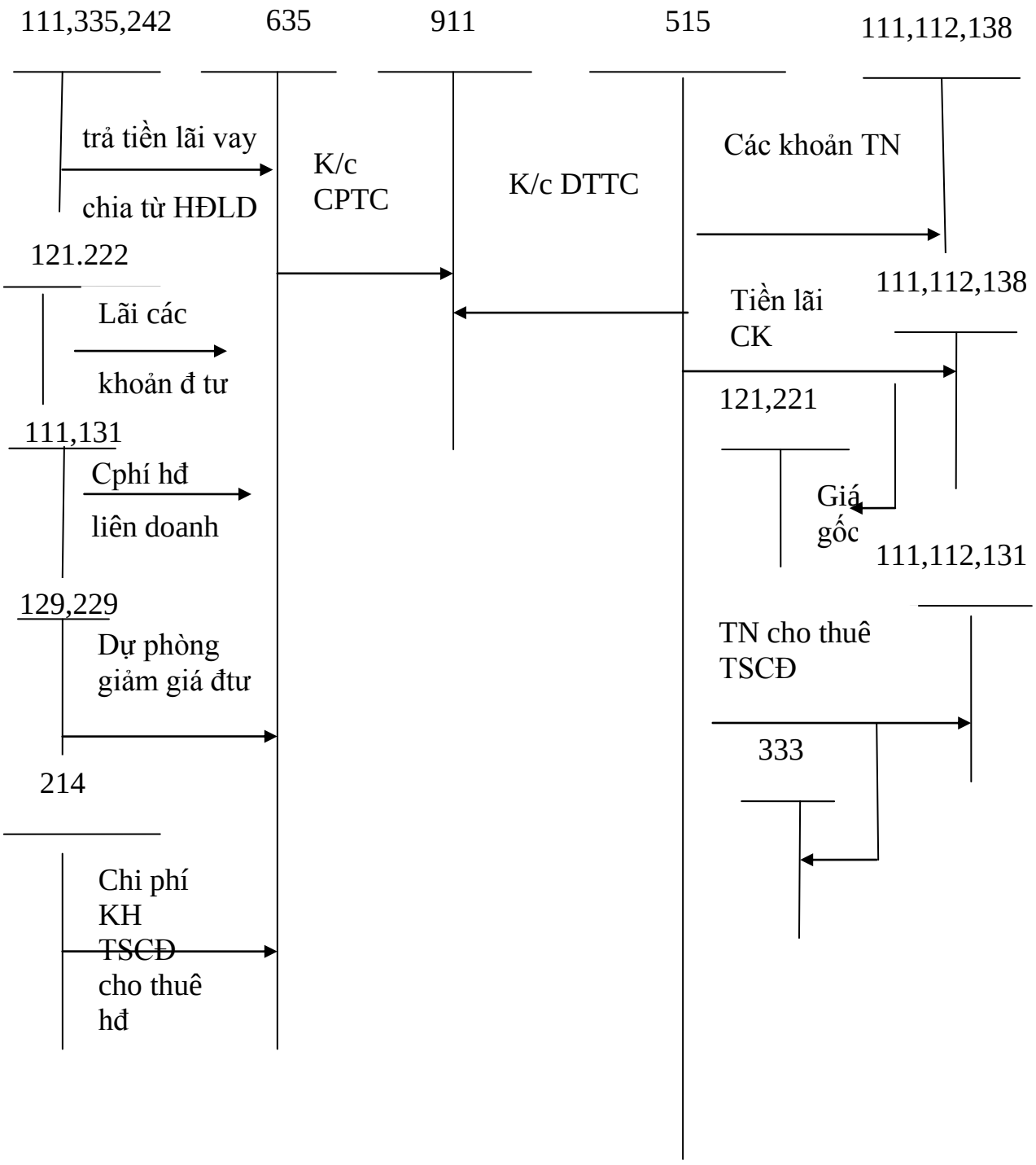

1.2.6.Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

***Chứng từ sử dụng:** Hợp đồng mua bán, biên bản thanh lí nhượng bán TSCĐ…

***Tài khoản sử dụng.**

Tài Khoản 711 - Thu nhập khác: TK này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản:

- Bên Nợ:

+ Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

+ Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

- Bên Có: + Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

Tài Khoản 811 - Chi phí khác: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản:

- Bên Nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh.

- Bên Có: Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 7:Sơ đồ kế toán tổng hợp thu nhập khác và chi phí khác

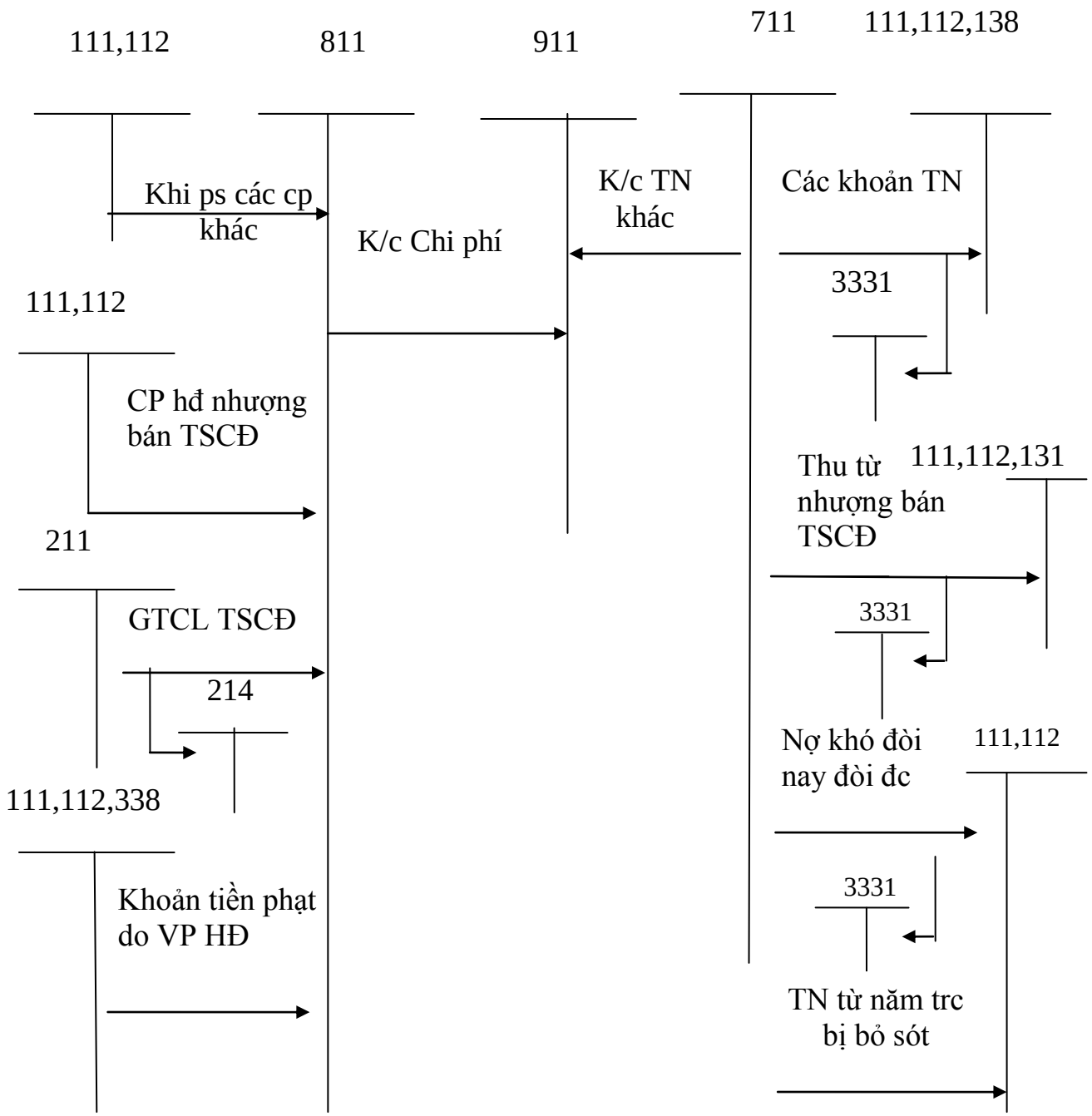

1.2.7.Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Chứng từ sử dụng

Căn cứ vào sổ theo dõi chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán, doanh thu cuối kỳ kết chuyển xác định kết quả và một số sổ liên quan khác.

Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh - TK khoản này sử dụng để xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Kết cấu của TK911:

Bên nợ: - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.

- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kết chuyển lãi.

Bên có: - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.

- Doanh thu hoạt động tài chính, các thu nhập khác và các khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư.

- **Tài khoản 421**: Lợi nhuận chưa phân phối - TK này phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh cuối cùng và tình hình phương pháp xử lý kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Sơ đồ8.Sơ đồ kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh

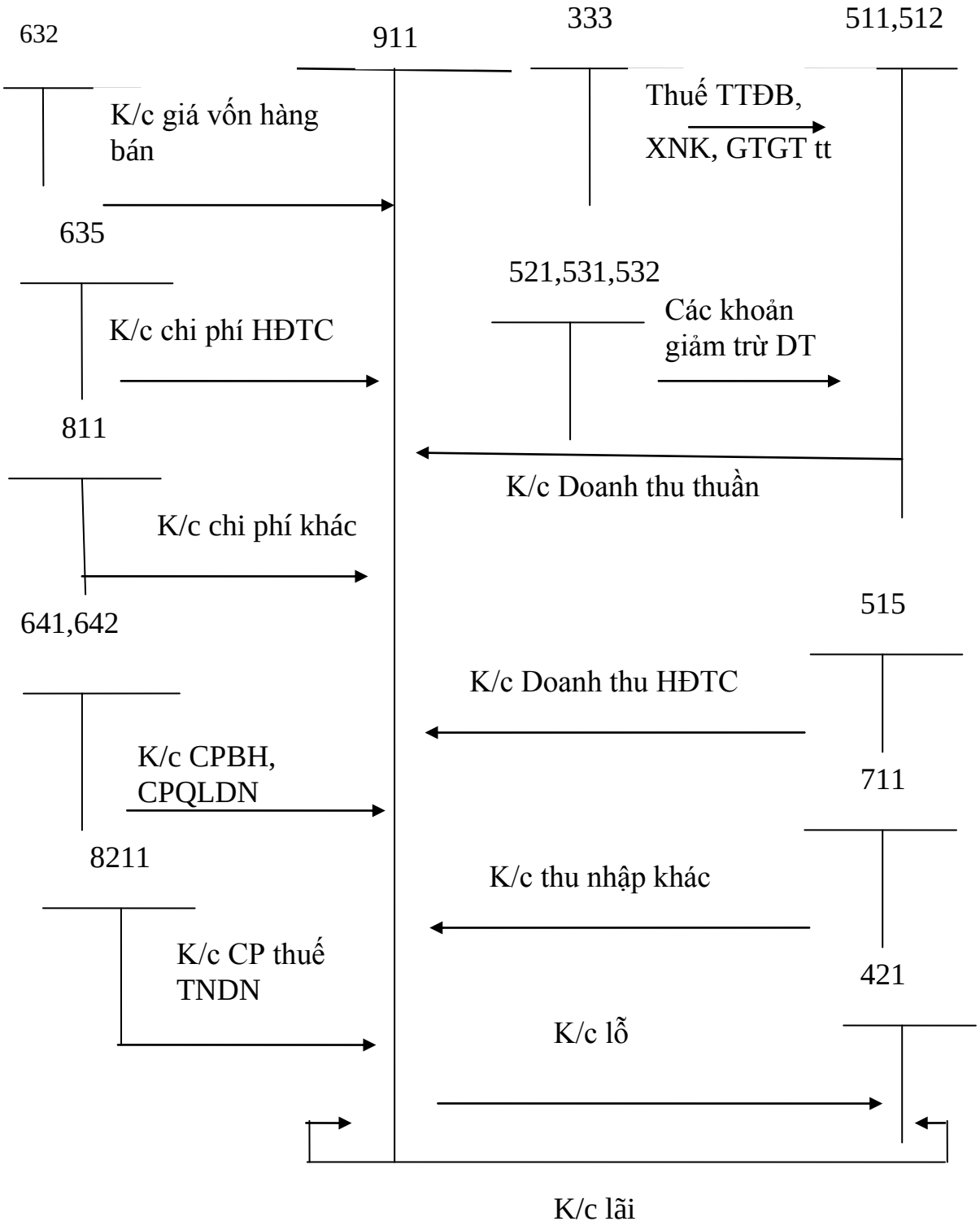

Chương 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÔNG TY

2.1. Khái quát về Công ty Cổ Phần Việt Cường.

- Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT CƯỜNG
- Tên viết tắt :Vc-co
- Địa điểm : số 260 Phan đăng L- u - Ph- ờng Trần Thành Ngọ – Quận kiến An – thành Phố Hải Phòng
- Điện thoại : (031) 3 877434
- Fax : (031) 3 877434
- Vốn điều lệ : 3.000.000.000 (VND) (Tính đến ngày 01/02/2005)
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0203000472ngày 01 tháng 02 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng

2.1.1 .Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.

Công Ty Cổ Phần Việt Cường là đơn vị được thành lập theo đăng ký kinh doanh số: 02003000472 của Sở kế hoạch Đầu T- Thành Phố Hải Phòng Đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 06 năm 2003 số vốn điều lệ đăng ký lần đầu là 1.800.000 .000 đồng . Với điều kiện phát triển và thay đổi thị phần kinh tế phù hợp với những nhu cầu phát triển của Công Ty đến ngày01 tháng 02 năm 2005 Công Ty tổ chức lại cơ cấu gồm có thêm cổ đông sáng lập và góp vốn vốn điều lệ của Công Ty là : 3.000.000.000 đồng cho phù hợp với những chức năng mới , ngành nghề

Kể từ khi đi vào hoạt động, công ty thay đổi đăng ký kinh doanh 2 lần với số vốn là: 3.000.000.000 đồng và 04 cổ đông:

1 Ông Vũ Văn Mạnh

2 Bà Bùi Thị Duyên

3 Ông Vũ văn Bình

4 ông Vũ Văn Kim

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY TRONG 2 NĂM 2008 -2009

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	So sánh	
			Chênh lệch	%
DT thuần	10,826,104,081	12,825,479,674	1,999,375,593	18.47
Giá vốn hàng bán	8,811,009,623	9,125,148,200	314,138,577	3.57
Lợi nhuận gộp	2,015,094,458	3,700,331,474	1,685,237,016	83.63
LN thuần	1,001,250,230	2,231,456,154	1,230,205,924	122.87
Tổng LN KT trước thuế	900,125,120	1,124,130,100	224,004,980	24.89
CP thuế TNDN hiện hành	252,035,034	314,756,428	62,721,394	24.89
LN sau thuếTNDN	648,090,086	809,373,672	161,283,586	24.89

Qua bảng trên ta thấy doanh thu năm 2009 tăng so với năm 2008 là 161,283,586 tương đương 24,89% điều này cho thấy công ty đã mở rộng sản xuất kinh doanh, công tác bán hàng được quan tâm nhiều hơn, sản phẩm đã tạo được uy tín trên thị trường. Doanh thu tăng đồng thời làm cho Lợi nhuận gộp cũng tăng lên 1,685,237,016 tương đương 83,63%. Trong năm 2009 công ty đã đạt tổng lợi nhuận là1.124.130.100 tăng 224.004.980 tương đương với tỷ lệ 24,89%. Đóng góp vào ngân sách Nhà nước 314.756.428 tăng 62.721.394 tương đương 24.89%. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2008 chỉ đạt 648,090,086 nhưng năm 2009 lợi nhuận là 809,373,672 tăng 161,283,586 tương đương 24,89%. Chứng tỏ quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2009 là rất lớn

Với đặc thù là Công ty cổ phần được thành lập từ việc cổ phần hóa một bộ phận trong thời kỳ đổi mới, nên công ty cổ phần Việt C- ờng có những điều kiện thuận lợi nhất định ngày từ khi bắt đầu đi vào hoạt động.

Với việc tiên phong trong lĩnh vực cổ phần hóa theo chủ trương chính sách cuả Đảng và Nhà nước, công ty cũng được hưởng nhiều ưu đãi trong hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần làm giảm bớt khó khăn trong những năm đầu mới đi vào hoạt động theo mô hình mới.

2.1.2.Chức năng, nhiệm sản xuất kinh doanh của Công ty.

*Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty.

-Kinh doanh vật liệu xây dựng các loại như sắt ,thép, đá các loại,tôn và ống các loai.

-Mặt hàng chủ yếu của công ty là sắt, thép

*Nhiệm vụ của công ty

- Không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ nhằm cung cấp đủ nhu cầu cho người tiêu dùng.
- Bảo tòan và phát triển vốn của cổ đông
- Kinh doanh có hiệu quả, đem lại lợi nhuận cao, tăng tích lũy.
- Góp phần giải quyết việc làm, nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ ngân sách với nhà nước
- Góp phần thúc đẩy nền kinh tế thị trường phát triển.

2.1.3.Tổ chức bộ máy quản lí của Công ty.

Là một doanh nghiệp vừa và nhỏ, công ty thiết lập cho mình một hệ thống quản lí điều hành kinh doanh gọn nhẹ và hợp lí từ lãnh đạo đến nhân viên.

Bộ máy quản lý của công ty gồm những bộ phận sau:

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ). Số thành viên của HĐQT có 04 . Hiện tại HĐQT Công ty có 04 thành viên, với nhiệm kỳ tối đa của mỗi thành viên là 5 năm.

Ban Giám đốc công ty

Ban Giám đốc của Công ty bao gồm Giám đốc và Phó Giám đốc. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ do Giám đốc phân công hoặc ủy quyền. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- Phó Giám đốcso sánh

Giúp Giám đốc điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh trong Công ty. Tham mưu cho Giám đốc trong việc bố trí nhân sự phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, đề xuất các chiến lược kinh doanh với Giám đốc như: chiến lược thị trường, chiến lược tiêu thụ sản phẩm và quản lý khách hàng.

Phòng kinh doanh:

Phòng kinh doanh có nhiệm vụ tiến hành xây dựng triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh, tổng hợp và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Tổ chức hoạt động Marketing để duy trì và mở rộng thi trường, đa dạng háo hình thức dịch vụ, tăng hiệu quả kinh doanh.

Trưởng phòng kinh doanh điều hành phòng kinh doanh, có nhiệm vụ nắm bắt nhu cầu và năng lực vận tải, điều hành hoạt động vận tải theo kế hoạch và theo đơn đặt hàng với các đối tác, thống kê báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Phòng tổ chức hành chính:

Tham mưu giúp việc cho giám đốc về công tác cán bộ, sắp xếp bố trí cán bộ công nhân viên đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh đề ra. Xây dựng cơ chế hợp lý cho cán bộ công nhân viên với mục đích khuyến khích người lao động và kiểm tra xử lý những trường hợp bất hợp lý, có kế hoạch đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ lao động, chăm sóc sức khoẻ toàn lao động, chịu trách nhiệm toàn bộ về công tác tiền lương theo chế độ của nhà nước, xây dựng đơn giá tiền lương cho từng luồng tuyến vận chuyển, khảo sát định mức ngày công cho việc sửa chữa tàu, tính lương phải trả hàng năm cho người lao động.

Phòng kế toán tài chính:

Hạch toán, thống kê các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của nhà nước. Tham mưu giúp việc cho Giám đốc thực hiện nghiêm túc các quy định về kế toán tài chính hiện hành. Thường xuyên cung cấp cho Giám đốc về tình hình tài chính, nguồn vốn, hiệu quả sử dụng vốn. Trong đó Trưởng phòng tài chính kế toán giúp Giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành công tác tài chính và kế toán, xúc tiến và quản lý công tác đầu tư, công tác tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập hoặc chi trả theo chế độ, chính sách đối với người lao động.

Phòng kỹ thuật vật tư:

Tham mưu cho Giám đốc Công ty về lĩnh vực quản lý kỹ thuật, quản lý vật tư, quản lý tài sản và các trang thiết bị. Ngoài ra còn tham mưu về công tác vệ sinh môi trường, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, phòng chèng bão lụt, pháp chế an toàn hàng hải.

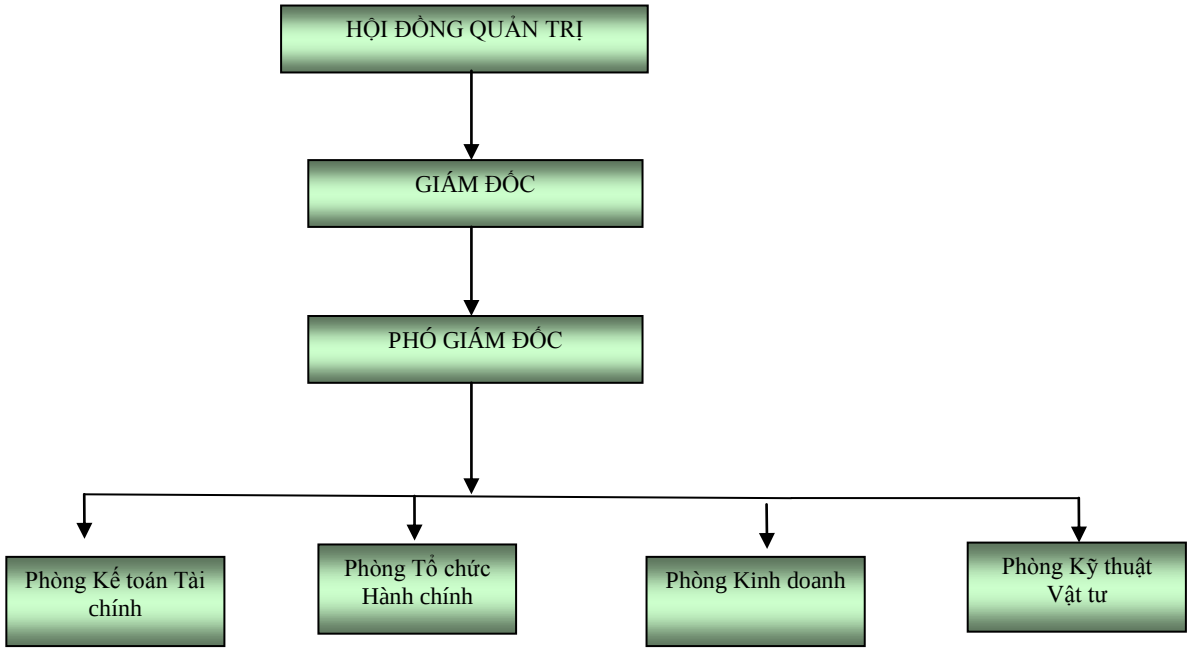

(Nguồn: Phòng Tổ chức - Hành chính công ty Cổ phần việt c- ờng)

2.1.4.Tổ chức công tác kế toán tại công ty.

2.1.4.1.Tổ chức bộ máy kế toán.

Tổ chức công tác kế toán bao gồm việc xây dựng các quy trình hạch toán, phân công quy định mối liên hệ giải quyết công việc giữa các nhân viên kế toán cũng như với các bộ phận khác trong doanh nghiệp. Tổ chức công tác, bộ máy kế toán gọn nhẹ để thực hiện tốt công việc hạch toán, quản lý tốt tài sản, cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cho quản lý với chi phí thấp nhất luôn là mong muốn của các nhà quản lý.

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức kinh doanh, công ty tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với tình hình tổ chức công tác kế toán đáp ứng nhu cầu quản lý, điều hành công việc theo hình thức tập trung

Theo mô hình này, toàn công ty tổ chức một phòng kế toán làm nhiệm vụ tổng hợp và hạch toán chi tiết, lập báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh tế, kiểm tra công tác kế toán toàn công ty.

Sơ đồ bộ máy kế toán:

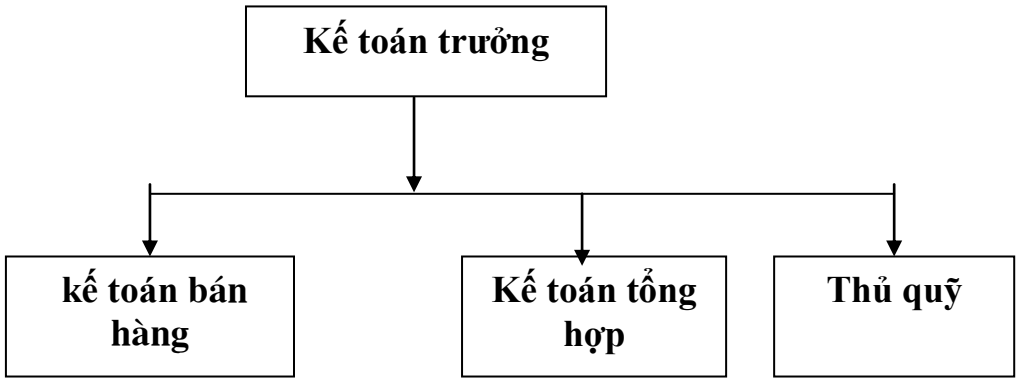

-Kế toán trưởng : Giúp giám đốc điều hành tất cả các công việc liên quan đến vấn đề tài chính của công ty, thực hiện kế toán tổng hợp.

-Kế toán bán hàng :

Chịu trách nhiệm kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của hoá đơn và phiếu nhập, phiếu xuất.

Căn cứ vào phiếu nhập, xuất kế toán làm sổ tổng hợp nhập, xuất vật tư chi tiết theo từng đối tượng.

Lập bảng bảng phân bổ nguyên vật liệu và bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn vật tư.

-Kế toán tổng hợp :Theo dõi vật tư, tài sản cố định, doanh thu, chi phí, giá thành và báo cáo tài chính.

-Thủ quỹ công ty :thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến việc thu chi tiền mặt, quản lí và bảo quản tiền mặt, cuối mỗi tháng có trách nhiệm lập sổ quỹ.

2.1.4.2.Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán sử dụng.

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa, ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm:

- Bảng Cân đối kế toán : Mẫu số B01 - DNN
- Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh : Mẫu số B02 - DNN
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ : Mẫu số B03 - DNN
- Bản Thuyết minh báo cáo tài chính : Mẫu số B09 - DNN
- Bảng Cân đối tài khoản : Mẫu số F01 - DNN

Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Bản Thuyết minh báo cáo tài chính là báo cáo bắt buộc, gửi cho cơ quan thuế phải lập và gửi thêm phụ biểu là Bảng Cân đối tài khoản.

Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ là báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập.

Đối với công ty cổ phần thì thời hạn nộp Báo cáo tài chính năm chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2.1.4.3.Tổ chức hệ thống sổ và báo cáo kế toán.

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là: Đồng Việt Nam

Phương pháp khấu hao: Theo phương pháp khấu hao đường thẳng

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Hình thức kế toán công ty áp dụng là : **Nhật ký chung**

Theo hình thức này, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tập hợp từ chứng từ gốc, sau đó kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung theo thứ tự thời gian. Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái tài khoản có liên quan .Cuối tháng căn cứ vàosổ cái các tài khoản liên quan, kế toán tiến hành lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi khoá số , đối chiếu số liệu giữa các số sách, kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ để lập Báo cáo tài chính của kỳ kế toán.

Sơ đồ hạch toán theo hình thức sổ kế toán Nhật kí chung.

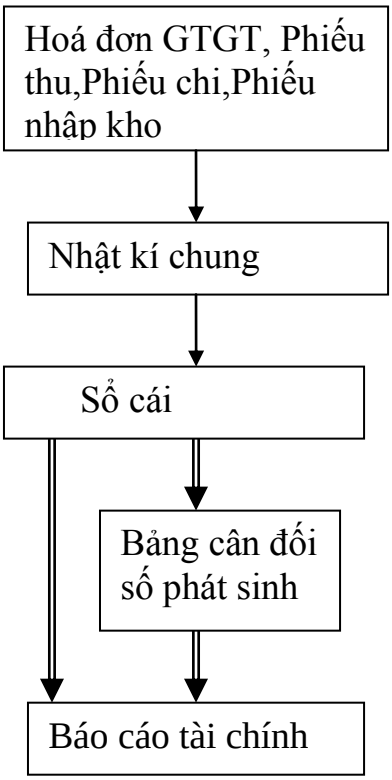

Ghi chú: : ⟶ : Ghi hàng ngày

⟹ : Ghi cuối kì

⟷ : Đối chiếu kiểm tra

2.2.Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu,chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Việt Cường.

+Kế toán doanh thu tại công ty.

Trong năm 2009, kế toán doanh thu của công ty chỉ phát sinh Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, Doanh thu hoạt động tài chính, không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu và Thu nhập khác.

+ Kế toán chi phí tại công ty

Trong năm 2009, công ty chỉ phát sinh Giá vốn hàng bán, Chi phí tài chính, Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, không phát sinh Chi phí khác

2.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty.

Doanh thu chủ yếu của Công ty từ việc bán Sắt ,thép, vật liệu xây dựng khác như cát mài, hạt mài, đá cắt ,vữa chịu axit,tôn và ống các loại…

-Doanh thu bán hàng là giá trị sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ mà Công ty đã bán, đã cung cấp cho khách hàng. Giá trị của hàng bán được thoả thuận ghi trong hợp đồng kinh tế về mua bán và cung cấp sản phẩm. Căn cứ vào hợp đồng kinh tế, yêu cầu của khách hàng đối với Công ty, căn cứ vào thời hạn giao hàng đã thoả thuận, khi sản phẩm được xuất khỏi kho Công ty và chuyển đến khách hàng thì số hàng này được coi là tiêu thụ và được khách hàng chấp nhận.

-Công ty tiến hành theo phương thức bán hàng trực tiếp.

-Phương thức thanh toán tiền hàng được thoả thuận thống nhất giữa 2 bên. Công ty áp dụng theo 3 cách sau:

+Bán hàng thu tiền ngay thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt áp dụng khách hàng mua ít không thường xuyên hay khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay. Phương thức này giúp cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh tránh được tình trạng chiếm dụng vốn

+Thanh toán chậm :Phương thức này áp dụng cho khách hàng thường xuyên có uy tín với doanh nghiệp.

+Thanh toán qua ngân hàng: hình thức này đ- ợc trích chuyển từ tài khoản ng- ời phải trả sang tài khoản ng- ời đ- ợc h- ởng thông qua ngân hàng và phải trả lệ

phí cho ngân hàng. Sau khi ng- ời bán thực hiện giao hàng xong, bản thân ng- ời bán hoặc ng- ời mua ký phát đến ngân hàng, ngân hàng sẽ tiến hành chi trả. Đồng tiền phát sinh là đồng tiền ghi sổ chứ không phải là đồng tiền thực tế. Hình thức này bao gồm thanh toán bằng séc, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu.

2.2.1.1.Chứng từ sử dụng.

-Hoá đơn GTGT

-Phiếu xuất kho.

-Phiếu thu.

-Các chứng từ có liên quan khác.

2.2.1.2.Tài khoản sử dụng.

Tài khoản hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là TK511

Tk5111:Doanh thu bán thép (thép góc, thép tấm các loại,thép hình…)

TK5112:Doanh thu bán sắt (Sắt vuông, sắt dẹt,..)

TK 5118:Doanh thu khác (Vật liệu xây dựng khác như :Cát mài, cát bê tông, hạt mài, đá cắt, vữa chịu axit, tôn và ống các loại…)

2.2.1.3.Quy trình hạch toán.

Hàng ngày, hàng tháng diễn ra rất nhiều các nghiệp vụ kinh tế, vì vậy thay vì ghi Sổ Cái cho tài khoản 511 và ghi Sổ chi tiết các tài khoản 5111, 5112, 5118, công ty ghi Sổ Cái cho ba tài khoản 5111, tài khoản 5112, tài khoản 5118 và đến cuối mỗi quý, công ty ghi Sổ tổng hợp tài khoản 511

Quy trình luân chuyển chứng từ.

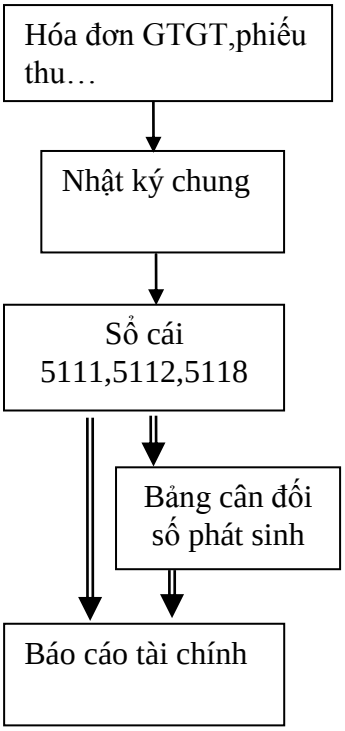

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối kì

Ví dụ 1:minh hoạ thực tế doanh thu bán thép tại công ty.

Ngày 04/12/2009 Phiếu thu số 150 "Thu tiền bán thép" của Công ty cổ phần thép và vật tư Hải Phòng. Tổng số tiền thanh toán là 13.515.019 đồng thuế suất GTGT 5% theo HĐ 0044468.

Kế toán định khoản.

Nợ Tk 1111 :315.000.000

Có Tk 5111 :330.750.000

CóTk3333 :15.750.000

Nghiệp vụ bán hàng sau khi phát sinh được ghi vào Hoá đơn GTGT (Biểu 1), phiếu thu .Từ đó kế toán vào Sổ Nhật kí chung (biểu số 2).Sổ cái TK5111(biểu số 3) .Từ sổ cái TK5111 kế toán vào bảng tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Biểu 1

Mẫu số: 01 GTKT-3LL
NV/2009B
0044468

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 3: Nội bộ
Ngày04tháng 12 năm 2009

Đơn vị bán hàng: Công ty CP Việt Cường

Địa chỉ: Số 260 Phan Đăng Lưu,Kiến An,HP

Số tài khoản:.....

Điện thoại: ..... MST: 0200837395

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần thép và vật tư HP

Địa chỉ: :

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán: TM MST:

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép góc	Kg	795	16.190	12.871.050

Cộng tiền hàng 12.871.050

Thuế suất GTGT: 5% Tiền thuế GTGT 643.553

Tổng cộng tiền thanh toán 13.514.603

Số tiền viết bằng chữ:

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký ghi rõ họ tên)	(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

Biểu 2

CÔNG TY CP VIỆT CƯỜNG — Mẫu số S03a-DNN

SỐ 260 Phan Đăng lưu. Kiến An.Hải Phòng — (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày tháng			Nợ	Có
	Số trang trước chuyển sang				
		.....		.....	.....
PX 32	04/12	Giá vốn bán thép	6321	11.983.035	
			156		11.983.035
PT150	04/12	Thu tiền bán hàng HĐ 0044468	111	13.514.603	
			5111		12.871.050
			3331		643.553
	…	….	…	…	
PX68	15/12	Giá vốn bán sắt	6322	113.607.042	
			156		113.607.042
HĐ 0044483	15/12	Bán sắt chưa thu tiền HĐ 0044483	131	121.499.175	
			5112		115.713.500
			3331		5.785.675
…	….	…	…	…	
PX80	20/12	giá vốn bán vật liệu khác	6328	18.002.000	
			156		18.002.000
PT230	20/12	Thu tiền bán vật liệu hoá đơn 0044496	111	20.305.110	
			5118		19.338.200
			3331		966.910
…	…	…	…	…	
		Cộng phát sinh quý4/09		23.330.222.000	23.330.222.000

Người lập biểu (Ký, họ tên) — **Kế toán trưởng** (Ký, họ tên) — **Giám đốc** (Ký, đóng dấu, họ tên)

(Trích sổ Nhật ký chung Quý 4 năm 2009)

Biểu 3

CÔNG TY CP VIỆT CƯỜNG — Mẫu số S03b-DNN

SỐ 260 Phan Đăng lưu. Kiến An.Hải Phòng — (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 5111 – Doanh thu bán thép

Năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ			
…	…	…			
PT150	04/12	Thu tiền bán hàng HĐ 0044468	111		12.871.050
HĐ 0044470	05/12	Bán thép chưa thu tiền HĐ 0044470	131		356.241.152
….	….	….	…	…	
PKT07/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán thép	911	3.350.196.321	
……..	…….	……..	……..	…….	…….
		Cộng phát sinh quý 4/09		3.350.196.321	3.350.196.321
		Dư cuối kỳ			

(Trích sổ cái TK5111 Quý 4 năm 2009)

Ví dụ 2: Minh hoạ thực tế doanh thu bán sắt tại Công ty.

Ngày 15/12/2009 Công ty bán sắt cho Nhà máy cơ khí chính xác 11 theo HĐ 0044483 chưa thu tiền hàng với tổng số thanh toán 121.449.175 thuế suất 5%

Kế toán lập Hoá đơn GTGT (biểu 4).Từ HĐGTGT kế toán vào sổ nhật kí chung(Biểu 5).Từ sổ Nhật kí chung kế toán vào sổ cái TK5112 (Biểu 6)

Biểu 4

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

HOÁ ĐƠN NV/2009B

GIÁ TRỊ GIA TĂNG 0044483

Liên 3: Nội bộ

Ngày15 tháng 12 năm 2009

Đơn vị bán hàng: Công ty CP Việt Cường

Địa chỉ: Số 260 Phan Đăng Lưu,Kiến An,HP

Số tài khoản:.....

Điện thoại:..... MST: 0200837395

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Nhà máy cơ khí chính xác 11

Địa chỉ: :

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán: TM /CK MST:

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Sắt vuông 12+14 in hoa	Kg	4723	24.500	115.713.500

Cộng tiền hàng 115.713.500

Thuế suất GTGT: 5% Tiền thuế GTGT 5.785.675

Tổng cộng tiền thanh toán 121.499.175

Số tiền viết bằng chữ:

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký ghi rõ họ tên)	(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

Biểu 5.

CÔNG TY CP VIỆT CƯỜNG — Mẫu số S03a-DNN

SỐ 260 Phan Đăng lưu. Kiến An.Hải Phòng — (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày tháng			Nợ	Có
	Số trang trước chuyển sang				
		.....		.....	.....
PX32	04/12	Giá vốn bán thép	6321	11.983.035	
			156		11.983.035
PT150	04/12	Thu tiền bán hàng HĐ 0044468	111	13.514.603	
			5111		12.871.050
			3331		643.553
	…	….	…	…	
PX68	15/12	Giá vốn bán sắt	6322	113.607.042	
			156		113.607.042
HĐ 0044483	15/12	Bán sắt chưa thu tiền HĐ 0044483	131	121.499.175	
			5112		115.713.500
			3331		5.785.675
…	….	…	…	…	
PX80	20/12	giá vốn bán vật liệu khác	6328	18.002.000	
			156		18.002.000
PT 230	20/12	Thu tiền bán vật liệu hoá đơn 0044496	111	20.305.110	
			5118		19.338.200
			3331		966.910
…	…	…	…	…	
		Cộng phát sinh quý4/09		23.330.222.000	23.330.222.000

Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, đóng dấu, họ tên)

(Trích sổ Nhật ký chung Quý 4 năm 2009)

Biểu 6

CÔNG TY CP VIỆT CƯỜNG — Mẫu số S03b-DNN

SỐ 260 Phan Đăng lưu. Kiến An.Hải Phòng — (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 5112 – Doanh thu bán sắt

Năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ			
…	…	…			
HĐ 0044483	15/12	Bán sắt chưa thu tiền HĐ 0044483	131		115.713.500
PT270	26/12	Bánsắt thu tiền mặt HĐ 0044510	111		235.120.124
….	….	….	…	…	
PKT 07/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán sắt	911	2.000.230.147	
……..	…….	……..	……..	…….	…….
		Cộng phát sinh quý 4/09		2.000.230.147	2.000.230.147
		Dư cuối kỳ			

(Trích sổ cái TK5112 Quý 4 năm 2009)

Ví dụ 3:Minh hoạ thực tế doanh thu khác tại công ty.

Ngày 20/12/2009 Công ty bán vật liệu khác cho Công ty CP xây dựng công trình Châu Long theo HĐ 0044496 thu bằng tiền mặt với tổng số thanh toán 36.750.000 thuế suất 5%

Kế toán lập Hoá đơn GTGT (biểu 7).Từ HĐGTGT kế toán vào sổ nhật kí chung(Biểu 8).Từ sổ Nhật kí chung kế toán vào sổ cái TK5118 (Biểu 9).

Biểu 7

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

HOÁ ĐƠN NV/2009B

0044496

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 3: Nội bộ

Ngày20 tháng 12 năm 2009

Đơn vị bán hàng: Công ty CP Việt Cường

Địa chỉ: Số 260 Phan Đăng Lưu,Kiến An,HP

Số tài khoản:.....

Điện thoại:..... MST: 0200837395

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty Cp xây dựng công trình Châu Long

Địa chỉ: :

Số tài khoản:.....

Hình thức thanh toán: chưa thanh toán MST:

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Tôn 150x13.000x100	Kg	514	18.800	9.663.200
2	Vữa chịu axít	Kg	2.500	3.870	9.675.000

Cộng tiền hàng 19.338.200

Thuế suất GTGT: 5% Tiền thuế GTGT 966.910

Tổng cộng tiền thanh toán 20.305.110

Số tiền viết bằng chữ:

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký ghi rõ họ tên)	(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

Biểu 8.

CÔNG TY CP VIỆT CƯỜNG — Mẫu số S03a-DNN

SỐ 260 Phan Đăng lưu. Kiến An.Hải Phòng — (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày tháng			Nợ	Có
	Số trang trước chuyển sang				
		.....		.....	.....
PX 32	04/12	Giá vốn bán thép	6321	11.983.035	
			156		11.983.035
PT 150	04/12	Thu tiền bán hàng HĐ 0044468	111	13.514.603	
			5111		12.871.050
			3331		643.553
	…	….	…	…	
PX68	15/12	Giá vốn bán sắt	6322	113.607.042	
			156		13.607.042
HĐ 0044483	15/12	Bán sắt chưa thu tiền HĐ 0044483	131	121.499.175	
			5112		115.713.500
			3331		5.785.675
…	….	…	…	…	
PX 80	20/12	giá vốn bán vật liệu khác	6328	18.002.000	
			156		18.002.000
PT 230	20/12	Thu tiền bán vật liệu hoá đơn 0044496	111	20.305.110	
			5118		19.338.200
			3331		966.910
…	…	…	…	…	
		Cộng phát sinh quý4/09		23.330.222.000	23.330.222.000

Người lập biểu (Ký, họ tên) — **Kế toán trưởng** (Ký, họ tên) — **Giám đốc** (Ký, đóng dấu, họ tên)

(Trích sổ Nhật ký chung Quý 4 năm 2009)

Biểu 9

CÔNG TY CP VIỆT CƯỜNG
SỐ 260 Phan Đăng lưu. Kiến An.Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 5118 – Doanh thu khác

Năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ			
…	…	…			
PT 230	20/12	Thu tiền bán vật liệu khác HĐ	111		19.338.200
PT 245	27/12	Bán vật liệu thu tiền mặt HĐ	111		26.250.675
….	….	….	…	…	
PKT07/12	31/12	Kết chuyển doanh thu khác	911	393.772.481	
……..	…….	……..	……..	…….	…….
		Cộng phát sinh quý 4/09		393.772.481	393.772.481
		Dư cuối kỳ			

(Trích sổ cái TK5118 Quý 4 năm 2009)

Cuối quý tập hợp Từ biểu 3, biểu 6, biểu 9.Kế toán tổng hợp vào bảng tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. (Biểu 10)

Biểu 10:

Công ty Cổ Phần Việt Cường
260 Phan Đăng Lưu ,Kiến An ,Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Quý 4 năm 2009

Số hiệu tài khoản	Tên	Số tiền
5111	Doanh thu bán thép	3.350.196.321
5112	Doanh thu bán sắt	2.000.230.147
5118	Doanh thu khác	393.772.481
511	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**5.744.198.949**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu Kế toán trưởng

2.2.2.Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty.

-Giá vốn hàng bán là giá đã bao gồm giá mua toàn bộ giá mua và chi phí có liên quan đến thu mua.

- Trị giá hàng hoá xuất kho được tính theo số lượng thực tế xuất bán và đơn giá bình quân gia quyền cả kì.

$$\text{Đơn gía bình quân của hàng hoá xuất kho trong kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế hàng hoá nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hoá tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hoá nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Trị giá thực tế của hàng xuất trong kỳ} = \text{Số lượng hàng xuất trong kỳ} \times \text{Đơn giá thực tế bình quân}$$

Công ty áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo *phương pháp kê khai thường xuyên* .

2.2.3.1.Chứng từ và tài khoản sử dụng.

-Tài khoản sử dụng; TK632 giá vốn hàng bán

TK6321:Giá vốn thép

TK6322:Giá vốn sắt

TK6328:Giá vốn vật liệu khác

-Các chứng từ sử dụng:Phiếu xuất kho, Phiếu nhập kho,

-Sổ sách sử dụng:Sổ nhật ký chung, Sổ cái các tài khoản liên quan TK 156, …, Bảng cân đối số phát sinh, Báo cáo tài chính…..

2.2.3.2.Quy trình hạch toán.

Hàng ngày, hàng tháng diễn ra rất nhiều các nghiệp vụ kinh tế, vì vậy thay vì ghi Sổ Cái cho tài khoản 632 và ghi Sổ chi tiết các tài khoản 6321, 6322, 6328,công ty ghi Sổ Cái cho ba tài khoản 6321, tài khoản 6322, và Tk 6328.

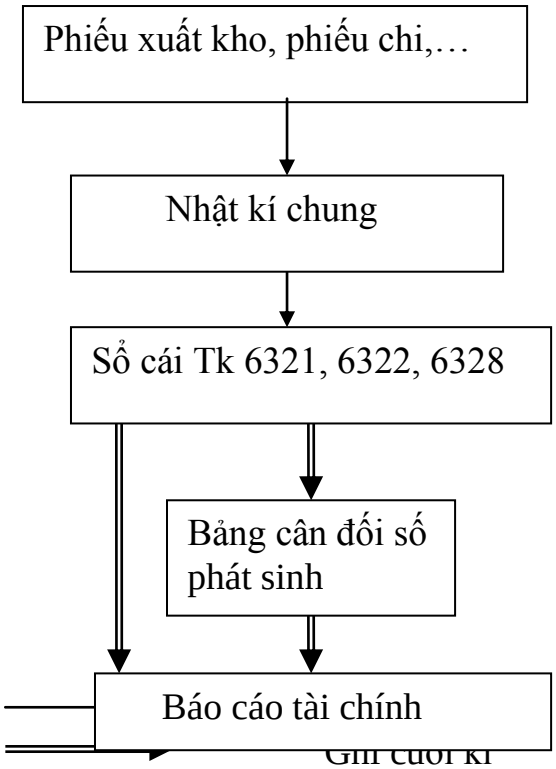

Ghi chú:

Ví dụ 4: lấy lại ví dụ 2 ở trên. Ngày 15/12/2009 Công ty bán sắt cho Nhà máy cơ khí chính xác 11 theo HĐ 0044483 chưa thu tiền hàng với tổng số thanh toán 121.449.175 thuế suất 5%

Xác định Giá vốn bán sắt

Với loại sắt vuông 12+14 in hoa

-Tồn ngày 01/12/2009 Số lương 323 kg

Trị giá hàng tồn kho=8.010.400(đ)

-Trong tháng 12 nhập :Số lượng =4500kg

Trị giá hàng nhập kho=108.000.000

$$\text{-Đơn giá bình quân xuất kho} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kì+Trị giá hàng nhập trong kì}}{\text{Số lượng tồn đầu kì +Số lượng nhập trong kì}}$$

$$= \frac{8.010.400+108.000.000}{323+4500}$$

=24.054 (đ/kg)

-Trong tháng xuất bán 4723 kg sắt vuông 12+14

-Trị giá thực tế hàng xuất kho =Số lượng thực tế xuất kho *đơn giá bình quân xuất kho trong kì

=4723 *24.054 =113.607.042(đ)

Căn cứ vào phiếu xuất kho (Biểu 11),Kế toán tiến hành vào sổ nhật kí chung (Biểu 12).sổ cái TK 6322 (biểu số 13)

Biểu 11

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT CƯỜNG

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 15 tháng 12 năm 2009

Số: 68

Họ và tên người nhận hàng : Nhà máy cơ khí chính xác 11

Địa chỉ (bộ phận):

Lý do xuất kho: Xuất bán

Địa điểm: Tại kho Công ty

stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
01	Sắt vuông 12+14		Kg	4723	4723	24.054	113.607.042
Cộng:							113.607.042

Số tiền bằng chữ:

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc

Biểu 12.

CÔNG TY CP VIỆT CƯỜNG — Mẫu số S03a-DNN

SỐ 260 Phan Đăng lưu. Kiến An.Hải Phòng — (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày tháng			Nợ	Có
	Số trang trước chuyển sang				
		.....		.....	.....
PX 32	04/12	Giá vốn bán thép	6321	11.983.035	
			156		11.983.035
PT 150	04/12	Thu tiền bán hàng HĐ 0044468	111	13.514.603	
			5111		12.871.050
			3331		643.553
	…	….	…	…	
PX 68	15/12	Giá vốn bán sắt	6322	113.607.042	
			156		113.607.042
HĐ 0044483	15/12	Bán sắt chưa thu tiền HĐ 0044483	131	121.499.175	
			5112		115.713.500
			3331		5.785.675
…	….	…	…	…	
PX 80	20/12	giá vốn bán vật liệu khác	6328	18.002.000	
			156		18.002.000
PT230	20/12	Thu tiền bán vật liệu hoá đơn 0044496	111	20.305.110	
			5118		19.338.200
			3331		966.910
…	…	…	…	…	
		Cộng phát sinh quý4/09		23.330.222.000	23.330.222.000

Người lập biểu (Ký, họ tên) — **Kế toán trưởng** (Ký, họ tên) — **Giám đốc** (Ký, đóng dấu, họ tên)

(Trích sổ Nhật ký chung Quý 4 năm 2009)

Biểu 13

CÔNG TY CP VIỆT CƯỜNG
SỐ 260 Phan Đăng lưu. Kiến An.Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 6322 –Giá vốn bán sắt

Năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ			
…	…	…			
PX 68	15/12	Giá vốn bán sắt HĐ 0044483	156	113.607.042	
PX 85	27/12	Giá vốn bán sắt HĐ 0052100	156	125.210.032	
….	….	….	…	…	
PKT08/12	31/12	Kết chuyển giá vốn bán sắt	911		1.986.280.000
……..	…….	……..	……..	…….	…….
		Cộng phát sinh quý 4/09		1.986.280.000	1.986.280.000
		Dư cuối kỳ			

(Trích sổ cái TK6322Quý 4 năm 2009)

Ví dụ 5;Lấy lại ví dụ 1.

Ngày 04/12/2009 Phiếu thu số 150 "Thu tiền bán thép" của Công ty cổ phần thép và vật tư Hải Phòng. Tổng số tiền thanh toán là 13.515.019 đồng thuế suất GTGT 5% theo HĐ 0044468.

Xác định Giá vốn bán thép

Với loại thép góc.

-Tồn ngày 01/12/2009 Số lương 300 kg

Trị giá hàng tồn kho=4.755.000 (đ)

-Trong tháng 12 nhập :Số lượng =3200kg

Trị giá hàng nhập kho=48.000.000

$$\text{-Đơn giá bình quân xuất kho} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kì+Trị giá hàng nhập trong kì}}{\text{Số lượng tồn đầu kì +Số lượng nhập trong kì}}$$

$$= \frac{4.755.000 + 48.000.000}{300+3200}$$

=15.073 (đ/kg)

-Trong tháng xuất bán 795 kg thép góc

-Trị giá thực tế hàng xuất kho = Số lượng thực tế xuất kho trong kì *đơn giá bình quân xuất kho

= 795 *15.073=11.983.035(đ)

Căn cứ vào phiếu xuất kho (Biểu 14),Kế toán tiến hành vào sổ nhật kí chung (Biểu 15).sổ cái TK 6322 (biểu số 16)

Biểu 14

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT CƯỜNG

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 04 tháng 12 năm 2009

Số: 32

Họ và tên người nhận hàng

Địa chỉ (bộ phận):

Lý do xuất kho: Xuất bán

Địa điểm: Tại kho Công ty

stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
01	Thép góc		Kg	795	795	15.073	11.983.035
Cộng:							11.983.035

Số tiền bằng chữ:

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc

Biểu 15.

CÔNG TY CP VIỆT CƯỜNG — Mẫu số S03a-DNN

SỐ 260 Phan Đăng lưu. Kiến An.Hải Phòng — (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày tháng			Nợ	Có
	Số trang trước chuyển sang				
		.....		.....	.....
PX 32	04/12	Giá vốn bán thép	6321	11.983.035	
			156		11.983.035
PT 150	04/12	Thu tiền bán hàng HĐ 0044468	111	13.514.603	
			5111		12.871.050
			3331		643.553
	…	….	…	…	
PX 68	15/12	Giá vốn bán sắt	6322	113.607.042	
			156		113.607.042
HĐ 0044483	15/12	Bán sắt chưa thu tiền HĐ 0044483	131	121.499.175	
			5112		115.713.500
			3331		5.785.675
…	….	…	…	…	
PX 80	20/12	giá vốn bán vật liệu khác	6328	18.002.000	
			156		18.002.000
PT 230	20/12	Thu tiền bán vật liệu hoá đơn 0044496	111	20.305.110	
			5118		19.338.200
			3331		966.910
…	…	…	…	…	
		Cộng phát sinh quý4/09		23.330.222.000	23.330.222.000

Người lập biểu (Ký, họ tên) — **Kế toán trưởng** (Ký, họ tên) — **Giám đốc** (Ký, đóng dấu, họ tên)

(Trích sổ Nhật ký chung Quý 4 năm 2009)

Biểu 16

CÔNG TY CP VIỆT CƯỜNG — Mẫu số S03b-DNN

SỐ 260 Phan Đăng lưu. Kiến An.Hải Phòng — (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 6321 – Giá vốn bán thép

Năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ			
…	…	…			
PX 32	04/12	Giá vốn bán thép HĐ 0044468	156	11.983.035	
PX 78	18/12	Giá vốn bán thép HĐ 0044480	156	123.569.245	
….	….	….	…	…	
PKT08/12	31/12	Kết chuyển giá vốn bán thép	911		3.340.168.271
……..	…….	……..	……..	…….	…….
		Cộng phát sinh quý 4/09		3.340.168.271	3.340.168.271
		Dư cuối kỳ			

(Trích sổ cái TK6321Quý 4 năm 2009)

Ví dụ 6: Lấy lại ví dụ 3

Ngày 20/12/2009 Công ty bán vật liệu khác cho Công ty CP xây dựng công trình Châu Long theo HĐ 0044496 thu bằng tiền mặt với tổng số thanh toán 36.750.000 thuế suất 5%.

Căn cứ vào phiếu xuất kho (Biểu 17),Kế toán tiến hành vào sổ nhật kí chung (Biểu 18).sổ cái TK 6328 (biểu số 19) .

Biểu 17

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT CƯỜNG

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 20 tháng 12 năm 2009

Số: 80

Họ và tên người nhận hàng : Công ty cổ phần xây dựng công trình Châu Long

Địa chỉ (bộ phận):

Lý do xuất kho: Xuất bán

Địa điểm: Tại kho Công ty

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách Vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
01	Tôn 150x13.000x100		Kg	514	514	18.000	9.252.000
02	Vữa chịu axit		Kg	2500	2500	3.500	8.750.000
	Cộng						**18.002.000**

Số tiền bằng chữ :

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc

Biểu 18.

CÔNG TY CP VIỆT CƯỜNG — Mẫu số S03a-DNN

SỐ 260 Phan Đăng lưu. Kiến An.Hải Phòng — (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày tháng			Nợ	Có
	Số trang trước chuyển sang				
		.....		.....	.....
PX 32	04/12	Giá vốn bán thép	6321	11.983.035	
			156		11.983.035
PT150	04/12	Thu tiền bán hàng HĐ 0044468	111	13.514.603	
			5111		12.871.050
			3331		643.553
	…	….	…	…	
PX68	15/12	Giá vốn bán sắt	6322	113.607.042	
			156		113.607.042
HĐ 0044483	15/12	Bán sắt chưa thu tiền HĐ 0044483	131	121.499.175	
			5112		115.713.500
			3331		5.785.675
…	….	…	…	…	
PX 80	20/12	giá vốn bán vật liệu khác	6328	18.002.000	
			156		18.002.000
PT 230	20/12	Thu tiền bán vật liệu hoá đơn 0044496	111	20.305.110	
			5118		19.338.200
			3331		966.910
…	…	…	…	…	
		Cộng phát sinh quý4/09		23.330.222.000	23.330.222.000

Người lập biểu (Ký, họ tên) — **Kế toán trưởng** (Ký, họ tên) — **Giám đốc** (Ký, đóng dấu, họ tên)

(Trích sổ Nhật ký chung Quý 4 năm 2009)

Biểu 19

CÔNG TY CP VIỆT CƯỜNG — Mẫu số S03b-DNN

SỐ 260 Phan Đăng lưu. Kiến An.Hải Phòng — (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 6328 – Giá vốn vật liệu khác

Năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ			
…	…	…			
PX 80	20/12	Giá vốn bán vật liệu khác HĐ	156	18.002.000	
PX 83	21/12	Giá vốn bán vật liệu khác HĐ	156	29.325.364	
….	….	….	…	…	
PKT08/12	31/12	Kết chuyển giá vốn bán vật liệu khác	911		384.561.351
……..	…….	……..	……..	…….	…….
		Cộng phát sinh quý 4/09		384.561.351	384.561.351
		Dư cuối kỳ			

(Trích sổ cái TK6328Quý 4 năm 2009)

Từ các biểu 13, biểu 16, biểu 19 Kế toán tông hợp lại cuối quý vào bảng tổng hợp giá vốn hàng bán (Biểu 20).

Biểu 20

Công ty Việt Cường
260 Phan Đăng Lưu. Kiến An, HP

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Quý 4 năm 2009

Số hiệu tài khoản	Tên	Số tiền
6321	Giá vốn thép	3.340.168.271
6322	Giá vốn sắt	1.986.280.000
6328	Giá vốn vật liệu khác	384.561.351
632	**Giá vốn hàng bán**	**5.711.009.622**

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu | Kế toán trưởng

2.2.4.Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lí doanh nghiệp tại Công ty.

Công ty Cổ phần Việt Cường là một đơn vị hoạt động kinh doanh thương mại

Chi phí quản lý kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

Chi phí bán hàng

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tuy nhiên, doanh nghiệp chỉ lập Sổ Cái tài khoản 642 mà không lập Sổ chi tiết các tài khoản chi tiết 6421 – Chi phí bán hàng và tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

. Chi phí quản lý kinh doanh chủ yếu của công ty bao gồm:

- Chi phí trả lương cho nhân viên

- Chi phí mua văn phòng phẩm
- Lệ phí ngân hàng
- Tiền điện thoại
- Chi phí bằng tiền khác: chi phí tiếp khách, thuế môn bài….

2.2.4.1.Chứng từ và tài khoản sử dụng.

- Bảng phân bổ lương, phiếu chi
- Hoá đơn GTGT

Công ty sử dụng TK 642

2.2.4.2.Quy trình hạch toán.

Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán chi phí quản lý kinh doanh

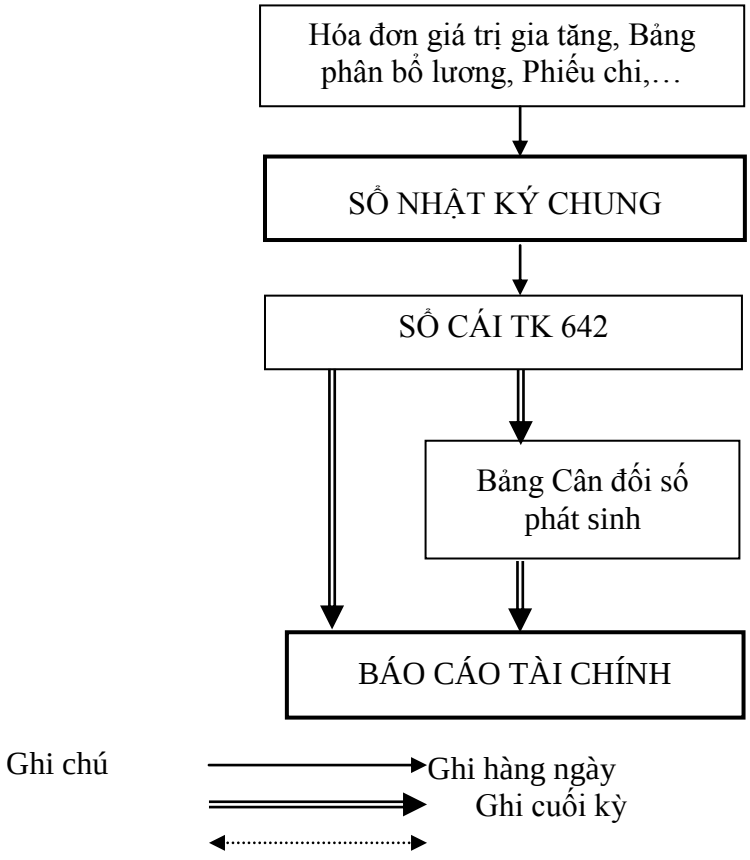

Ví dụ 7:

Ngày 30/10/09, mua thiết bị văn phòng của Trung tâm thiết bị văn phòng, cộng tiền hàng: 9.075.000 đồng, thuế GTGT : 10%, công ty đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

Kế toán tập hợp chứng từ bao gồm: Hóa đơn Giá trị gia tăng (biểu 21), Phiếu chi (Biểu 22).

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642	: 9.075.000
Nợ TK 133	: 907.500
Có TK 1111	: 9.982.500

Kế toán ghi Sổ Nhật ký chung (Biểu 23), Sổ Cái tài khoản 642 (Biểu 24),

Biểu 21

Mẫu số: 01 GTKT-3LL
HOÁ ĐƠN PE/2009B
GIÁ TRỊ GIA TĂNG 0041023
Liên 2: Giao khách hàng
Ngày30 tháng 10 năm 2009

Đơn vị bán hàng: Trung tâm thiết bị văn phòng
Địa chỉ:
Số tài khoản:.....
Điện thoại:..... MST:
Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần Việt Cường.
Địa chỉ: :
Số tài khoản:.....
Hình thức thanh toán: TM MST: 0200837395

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Monitor	c	05	1.815.000	9.075.000

Cộng tiền hàng 9.075.000
Thuế suất GTGT:10% Tiền thuế GTGT 907.500
Tổng cộng tiền thanh toán 9.982.500
Số tiền viết bằng chữ:

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký ghi rõ họ tên)	(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

Biểu 22.

CÔNG TY CP VIỆT CƯỜNG
SỐ 260 PHAN ĐĂNG LƯU, KIẾN AN,HP

Mẫu số:02 – TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 30 tháng 10 năm 2009

Quyển số:
Số: 89
Nợ 642:9.075.000
Nợ 133:907.500
Có 111: 9.982.500

Họ tên người nộp tiền: Công ty Cổ Phần Việt Cường
Địa chỉ:
Lý do chi: Thanh toán tiền mua hàng cho trung tâm thiết bị văn phòng
Số tiền: 9.982.500VND (viết bằng chữ)
Kèm theo: ..... Chứng từ gốc

Ngày 31tháng 12 năm 2009

Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người nộp tiền**	**Người lập phiếu**	**Thủ quỹ**
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): .....
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):
+ Số tiền quy đổi:

Biểu 23.

CÔNG TY CP VIỆT CƯỜNG — Mẫu số S03a-DNN

SỐ 260 Phan Đăng lưu. Kiến An.Hải Phòng — (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày tháng			Nợ	Có
	Số trang trước chuyển sang				
		.....		.....	.....
PC 89	30/10	Mua thiết bị văn phòng trả bằng tiền mặt	642	9.075.000	
			133	907.500	
			111		9.982.500
		…	…	…	
PX 32	04/12	Giá vốn bán thép	6321	11.983.035	
			156		11.983.035
		….	…..		
PX 68	15/12	Giá vốn bán sắt	6322	113.607.042	
			156		113.607.042
PT 230	20/12	Thu tiền bán vật liệu hoá đơn 0044496	111	20.305.110	
			5118		19.338.200
			3331		966.910
…	…	…	…	…	
		Cộng phát sinh quý4/09		23.330.222.000	23.330.222.000

Người lập biểu (Ký, họ tên) — **Kế toán trưởng** (Ký, họ tên) — **Giám đốc** (Ký, đóng dấu, họ tên)

(Trích sổ Nhật ký chung Quý 4 năm 2009)

Biểu 24

CÔNG TY CP VIỆT CƯỜNG — Mẫu số S03b-DNN

SỐ 260 Phan Đăng lưu. Kiến An.Hải Phòng — (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 642 – Chi phí quản lí kinh doanh

Năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ			
…	…	….		…	
PC 76	12/10	chi phí tiếp khách	111	263.098	
PC 89	30/10	Mua thiết bị văn phòng trả băng TM	111	9.075.000	
BPBLT12	30/12	Các khoản trích theo lương tính vào chi phí	338	1.812.600	
BPBLT12	30/12	Tính lương phải trả	334	9.540.000	
PKT 08/12	31/12	Kết chuyển chi phí kinh doanh			40.690.698
		Cộng phát sinh quý 4/09		40.690.698	40.690.698
		Dư cuối kỳ			

(Trích sổ cái TK642Quý 4 năm 2009)

2.2.5.Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty.

Kế toán Doanh thu hoạt động tài chính của công ty là lãi tiền gửi ngân hàng. Hàng tháng, công ty nhận được Giấy báo có của ngân hàng về lãi tiền gửi được hưởng làm căn cứ để viết Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 515, TK 112.

Kế toán chi phí hoạt động tài chính của công ty là lãi tiền vay ngân hàng. Hàng tháng, công ty nhận được Giấy báo nợ của ngân hàng về lãi phải trả làm căn cứ để viết Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 635, TK 112…

2.2.5.1.Chứng từ sử dụng.

- Giấy báo nợ, báo có, bảng sao kê tài khoản.

2.2.5.2Tài khoản sử dụng.

- TK 515 : Doanh thu tài chính.
- TK 635 : Chi phí tài chính.

2.2.5.3.Quy trình hạch toán,

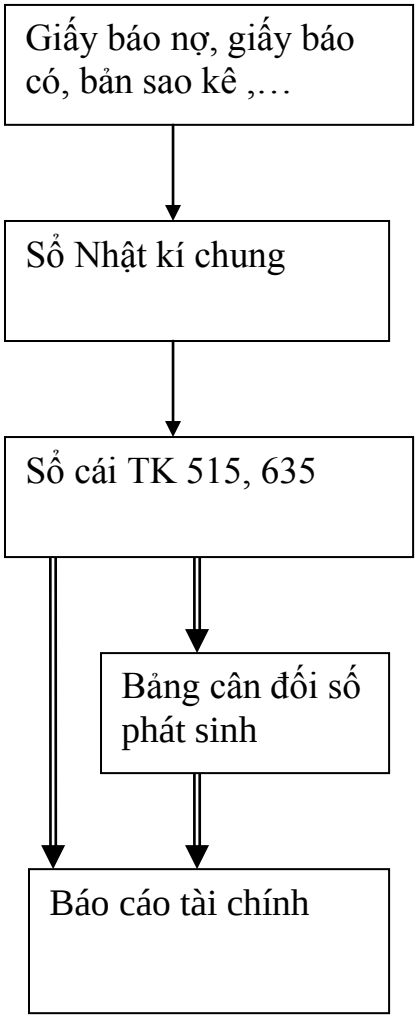

Ví dụ 8: Ngày 25/12/2009, Công Ty nhận được Giấy báo có lãi tiền gửi tháng 11 của Ngân Hàng Thương Mại Á Châu số tiền là 1.121.602 đồng.

Kế toán định khoản : *N*ợ TK 1121 : 1.212.602

Có TK 515 : 1.212.602

Nhận được giấy báo có (Biểu 25),kế toán vào sổ nhật kí chung (Biểu 26).từ nhật kí chung vào sổ cái TK515 (Biểu 27).

Ví dụ 9:Ngày 31/12/2009, từ phiếu hạch toán của Ngân Hàng Thương Mại Á Châu về lãi tiền vay là 954.804 đồng.

Kế toán định khoản: Nợ TK 635 : 954.804

Có TK 335 : 954.804

Nhận được giấy báo nợ (Biểu 28),Kế toán vào sổ nhật kí chung (Biểu 29).Từ nhật kí chung vào sổ cái TK635 (Biểu 30)

Biểu 25

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU — Mã GDV : BATCH
ASIA COMMERCIAL BANK — Mã KH :10366

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 25/12/2009

Kính gửi : CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT CƯỜNG.

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:
Số tài khoản ghi Có : 3409698
Số tiền bằng số :1.212.602
Số tiền bằng chữ : Một triệu hai trăm mười hai nghìn sáu trăm linh hai đồng.
Nội dung : # # LÃI NHẬP GỐC # #.

GIAO DỊCH VIÊN — KIỂM SOÁT

Biểu 26.

CÔNG TY CP VIỆT CƯỜNG
SỐ 260 Phan Đăng lưu. Kiến An.Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày tháng			Nợ	Có
	Số trang trước chuyển sang				
		.....		.....	.....
PX 32	04/12	Giá vốn bán thép	6321	11.983.035	
			156		11.983.035
PT 150	04/12	Thu tiền bán hàng HĐ 0044468	111	13.514.603	
			5111		12.871.050
			3331		643.553
	…	….	…	…	
PX 68	15/12	Giá vốn bán sắt	6322	113.607.042	
			156		113.607.042
HĐ 0044483	15/12	Bán sắt chưa thu tiền HĐ 0044483	131	121.499.175	
			5112		115.713.500
			3331		5.785.675
…	….	…	…	…	
GBC 25/12	25/12	Nhập lãi TK tiền gửi Ngân hàng	112	1.212.602	
			515		1.212.602
		Cộng phát sinh quý4/09		23.330.222.000	23.330.222.000

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, họ tên)

(Trích sổ Nhật ký chung Quý 4 năm 2009)

Biểu 27:

CÔNG TY CP VIỆT CƯỜNG
SỐ 260 Phan Đăng lưu. Kiến An.Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 515 – Doanh thu tài chính

Năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ			
GBC 25/10	25/10	Nhập lãi Tk tiền gửi Ngân hàng	112		1.056.124
GBC 25/11	25/11	Nhập lãi Tk tiền gửi Ngân hàng	112		1.051.834
GBC 25/12	25/12	Nhập lãi Tk tiền gửi Ngân hàng	112		1.212.602
PKT 07/12	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính	911	3.320.560	
		Cộng phát sinh quý 4/09		3.320.560	3.320.560

(Trích sổ cái TK515 Quý 4 năm 2009)

Biểu 28

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU — MÃ GDV:BATCH
ASIA COMMERCIAL BANK — MÃ KH:10366

GIẤY BÁO NỢ.

Ngày 31/12/2009

Kính gửi ;CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT CƯỜNG.

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Nợ :3409698

Số tiền bằng số :954.804

Số tiền bằng chữ :Chín trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm linh bốn ngàn đồng.

Nội dung :# # Thanh toán tiền lãi vay ngân hàng # #

GIAO DỊCH VIÊN — KIỂM SOÁT

Biểu 29.

CÔNG TY CP VIỆT CƯỜNG — Mẫu số S03a-DNN

SỐ 260 Phan Đăng lưu. Kiến An.Hải Phòng — (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày tháng			Nợ	Có
	Số trang trước chuyển sang				
		.....		.....	.....
PX 32	04/12	Giá vốn bán thép	6321	11.983.035	
			156		11.983.035
PT 150	04/12	Thu tiền bán hàng HĐ 0044468	111	13.514.603	
			5111		12.871.050
			3331		643.553
	…	….	…	…	
PX68	15/12	Giá vốn bán sắt	6322	113.607.042	
			156		113.607.042
HĐ 0044483	15/12	Bán sắt chưa thu tiền HĐ 0044483	131	121.499.175	
			5112		115.713.500
			3331		5.785.675
…	….	…	…	…	
GBN 31/12	31/12	Lãi phải trả Ngân hàng	635	954.804	
			112		954.804
		Cộng phát sinh quý4/09		23.330.222.000	23.330.222.000

Người lập biểu (Ký, họ tên) — **Kế toán trưởng** (Ký, họ tên) — **Giám đốc** (Ký, đóng dấu, họ tên)

(Trích sổ Nhật ký chung Quý 4 năm 2009)

Biểu 30

CÔNG TY CP VIỆT CƯỜNG — Mẫu số S03b-DNN

SỐ 260 Phan Đăng lưu. Kiến An.Hải Phòng — (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản: 635 – Chi phí tài chính

Năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ			
…	…	….		…	
GBN 31/12	31/12	Lãi phải trả Ngân hàng	112	954.804	
PKT 08/12	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	911		2.870.381
		Cộng phát sinh quý 4/09		2.870.381	2.870.381

(Trích sổ cái TK635 Quý 4 năm 2009)

2.2.6.Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

2.2.6.1.Chứng từ sử dụng.

Phiếu kế toán thực hiện kết chuyển

2.2.7.2.Tài khoản sử dụng.

TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối

2.2.7.3.Quy trình hạch toán.

Nguyên tắc hạch toán

Sau một kỳ kế toán cần xác định kết quả của hoạt động kinh doanh trong kỳ với yêu cầu chính xác và kịp thời. Chú ý tới nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ kế toán.

Trên tài khoản 911 cần phải phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hạch toán theo đúng quy định của chế độ quản lý tài chính.

Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào tài khoản này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh.

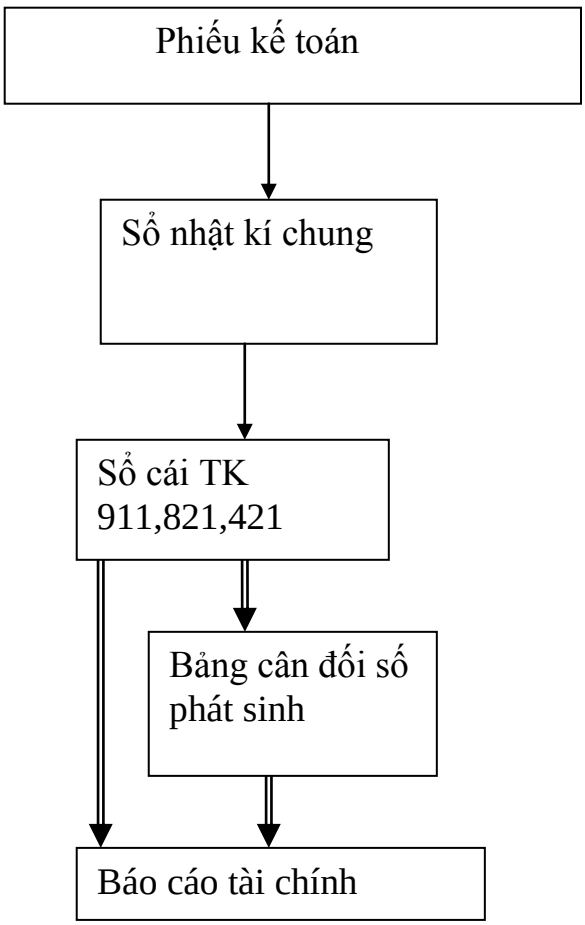

Cuối kì kế toán tập hợp từ bảng tổng hợp doanh thu, giá vốn để vào phiếu kế toán kết chuyển doanh thu và phiếu kế toán kết chuyển chi phí .Từ các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu và phiếu kế toán kết chuyển chi phí ,phiếu kế toán lãi lỗ kế toán vào sổ nhật kí chung , sau đó vào sổ cái các tài khoản có liên quan.

Ví dụ 10:

Ngày 31/12/2009 kế toán tập hợp chứng từ có liên quan đến nghiệp vụ phát sinh doanh thu, chi phí Kế toán thực hiện bút toán kết chuyển:

a. Nợ TK 5111 : 3.350.196.321

Nợ TK 5112: 2.000.230.147

Nợ TK 5118 : 393.772.481

Nợ TK 515 :3.320.560

Có Tk 911 : 5.747.519.509

b. Nợ TK 911:5.754.570.701

Có 6321: 3.340.168.271

Có 6322 :1.986.280.000

Có 6328:384.561.351

Có TK 642:40.690.698

Có TK635:2.870.381

Phiếu kế toán số 07 (Biểu 31). Phiếu kế toán số 08 (Biểu 32).Phiếu kế toán số 09 (Biểu 33). Sổ nhật kí chung (Biểu 34). Sổ cái TK 911 (Biểu 35).

Biểu 31

PHIẾU KẾ TOÁN

Số PKT 07/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Nội dung	Tài khoản		Số tiền
Số	Ngày		Nợ	Có	
		Doanh thu bán thép 5111->911	5111	911	3.350.196.321
		Doanh thu bán sắt 5112->911	5112	911	2.000.230.147
		Doanh thu bán vliệu khác 5118->911	5118	911	393.772.481
		Doanh thu tài chính 515->911	515	911	3.320.560
		Cộng quý 4			5.747.519.509

Biểu 32:

PHIẾU KẾ TOÁN

Số PKT 08/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Nội dung	Tài khoản		Số tiền
Số	Ngày		Nợ	Có	
		Giá vốn bán sắt 6322->911	911	6322	1.986.280.000
		Giá vốn bán thép 6321->911	911	6321	3.340.168.271
		Giá vốn bán vliệu khác 6328->911	911	6328	384.561.351
		Chi phí quản lí kinh doanh 642->911	911	642	40.690.698
		Chi phí tài chính 635->911	911	635	2.870.381
		Cộng quý 4			5.754.570.701

Biểu 33:

PHIẾU KẾ TOÁN

Số PKT 09/12

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chứng từ		Nội dung	Tài khoản		Số tiền
Số	Ngày		Nợ	Có	
		Kết chuyển lãi lỗ 911-->421	421	911	7.051.192
		Tổng cộng			7.051.192

Biểu 34

CÔNG TY CP VIỆT CƯỜNG — Mẫu số S03a-DNN

SỐ 260 Phan Đăng lưu. Kiến An.Hải Phòng — (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày tháng			Nợ	Có
	Số trang trước chuyển sang				
		.....		.....	.....
PKT07/12	31/12	Doanh thu bán thép 5111->911	5111	3.350.196.321	
			911		3.350.196.321
PKT07/12	31/12	Doanh thu bán sắt 5112->911	5112	2.000.230.147	
			911		2.000.230.147
PKT07/12	31/12	Doanh thu bán vliệu khác 5118->911	5118	393.772.481	
			911		393.772.481
PKT07/12	31/12	Doanh thu tài chính 515->911	515	3.320.560	
			911		3.320.560
PKT08/12	31/12	Giá vốn bán sắt 6322->911	911	1.986.280.000	
			6322		1.986.280.000
PKT08/12	31/12	Giá vốn bán thép 6321->911	911	3.340.168.271	
			6321		3.340.168.271
PKT08/12	31/12	Giá vốn bán vliệu khác 6328->911	911	384.561.351	
			6328		384.561.351
PKT08/12	31/12	Chi phí quản lí kinh doanh 642->911	911	40.690.698	
			642		40.690.698
PKT08/12	31/12	Chi phí tài chính 635->911	911	2.870.381	
			635		2.870.381
PKT09/12	31/12	Kết chuyển lãi lỗ 911 -->421	421	7.051.192	
			911		7.051.192
		Cộng phát sinh quý4/09		23.330.222.000	23.330.222.000

(Trích sổ Nhật ký chung Quý 4 năm 2009)

Biểu 35

CÔNG TY CP VIỆT CƯỜNG — Mẫu số S03b-DNN

SỐ 260 Phan Đăng lưu. Kiến An.Hải Phòng — (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản:911 – Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2009

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ			
PKT07/12	31/12	Doanh thu bán thép 5111->911	5111		3.350.196.321
PKT07/12	31/12	Doanh thu bán sắt 5112->911	5112		2.000.230.147
PKT07/12	31/12	Doanh thu bán vl khác 5118->911	5118		393.772.481
PKT07/12	31/12	Doanh thu tài chính 515->911	515		3.320.560
PKT08/12	31/12	Giá vốn bán sắt 6322->911	6322	1.986.280.000	
PKT08/12	31/12	Giá vốn bán thép 6321->911	6321	3.340.168.271	
PKT08/12	31/12	Giá vốn bán vliệu khác 6328->911	6328	384.561.351	
PKT08/12	31/12	Chi phí quản lí kinh doanh 642->911	642	40.690.698	
PKT08/12	31/12	Chi phí tài chính 635->911	635	2.870.381	
PKT09/12	31/12	Kết chuyển lãi lỗ 911-->421	421		7.051.192
		Cộng phát sinh quý 4/09		5.754.570.701	5.754.570.701

(Trích sổ cái TK911 Quý 4 năm 2009)

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT CƯỜNG

3.1.Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

-Nhìn chung công tác kế toán của công ty đảm bảo tuân thủ đúng chế độ kế toán của Nhà nước ban hành, phù hợp với điều kiện thực tế của công ty, đáp ứng yêu cầu quản lý, phản ánh được tình hình sử dụng vật tư, lao động, xác định doanh thu, chi phí hợp lý làm cơ sở để xác định kết quả kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước.

- Về hình thức kế toán : công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó.

- Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được gửi lên phòng kế toán để kiểm tra và ghi chép vào sổ sách. Hình thức này gọn nhẹ, đảm bảo công tác kế toán được thực hiện một cách hiệu quả. Việc bố trí và phân chia trách nhiệm cụ thể cho các kế toán viên phù hợp với yêu cầu công việc và chuyên môn của từng người. Theo mô hình này, các kế toán viên có mối quan hệ chặt chẽ, qua lại với nhau nhằm đảm bảo công tác kế toán được tiến hành liên tục, chính xác và kịp thời

-Hệ thống chứng từ công ty sử dụng nhìn chung là đúng với mẫu biểu của Bộ Tài Chính ban hành. Những thông tin kinh tế đều được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác vào chứng từ tạo điều kiện cho việc kiểm tra số liệu thực tế và số liệu trên sổ sách kế toán. Chứng từ được kế toán phân loại và lưu trữ cẩn thận, thuận lợi cho việc tìm kiếm, đối chiếu số liệu.

- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản kế toán theo quy định của Bộ Tài Chính

3.1.1.Ưu điểm.

Nói chung công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty đã cung cấp thông tin chính xác, trung thực và đầy đủ. Do đó cung cấp số liệu giúp cho các nhà quản lý đưa ra được những quyết định đúng đắn phù hợp với điều kiện thực tế của công ty.

-Về việc tổ chức kế toán doanh thu: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, doanh thu được xác định một cách hợp lý và phù hợp với điều kiện ghi nhận doanh thu.

Việc hạch toán doanh thu giá về cơ bản là đúng theo nguyên tắc, chế độ hiện hành. Doanh thu được phản ánh đầy đủ, phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Việc hạch toán kê khai thuế GTGT được thực hiện khá chặt chẽ. Công ty luôn thực hiện tính đúng, tính đủ số thuế phải nộp vào ngân sách Nhà nước. Đồng thời công ty sử dụng đầy đủ tất cả các mẫu kê khai tính thuế GTGT do doanh nghiệp quy định

- Về kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh được ghi chép một cách đầy đủ, kịp thời và hợp lý. Công ty cũng theo dõi chi phí chi tiết cho từng loại hình kinh doanh. Từ đó giúp ban lãnh đạo thấy được sự biến động chi phí của từng loại hình từ đó sẽ đưa ra được ra các chính sách tiết kiệm chi phí.

Tuy nhiên, ngoài những ưu điểm kể trên mà bộ máy kế toán công ty đã đạt được thì vẫn còn những bất cập mà kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cần khắc phục.

3.1.2.Hạn chế.

-Về sổ sách kế toán**:** +Công ty chưa lập sổ theo dõi chi tiết doanh thu, giá vốn hàng bán theo từng đối tượng khách hàng. Điều này làm ảnh hưởng đến việc theo dõi các khoản công nợ phải thu.

- Về việc luân chuyển chứng từ: Chứng từ kế toán rất quan trọng đến công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng, việc lập biểu xuất kho ở công ty chưa kịp thời, nhanh gọn, luân chuyển chứng từ còn chậm, không đảm

bảo đúng thời hạn quy định. Hơn nữa, việc tập hợp, luân chuyển chứng từ do không có quy định cụ thể về thời gian nộp chứng từ của các bộ phận nên tình trạng chứng từ bị chậm chễ trong quá trình đưa đến phòng tài vụ để xử lý dẫn đến kỳ sau mới xử lý được gây nên tình trạng quá tải công việc khi chứng từ cùng về một lúc

- Chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm: Trong quá trình tiêu thụ, chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó sẽ tạo ra sức hấp dẫn rất lớn lôi cuốn khách hàng là luôn muốn tiêu dùng những sản phẩm có thương hiệu tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Chính vì vậy, việc không áp dụng những ưu đãi về chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán mua hàng, thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng và chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua với số lượng lớn sẽ làm giảm số lượng khách hàng không nhỏ trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm của công ty, dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Về vận dụng phần mềm trong tổ chức hạch toán kế toán

Trong điều kiện kinh tế thị trường, tình trạng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp luôn biến động về quy mô, ngành nghề sản xuất kinh doanh, cách thức quản lý, cách thức hạch toán…..Và với khối lượng công việc ngày càng nhiều,Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán vào việc hạch toán do đó máy tính sẽ xử lý thông tin nhanh chóng, tiết kiệm được thời gian và nhân lực.

- Về việc thu hồi nợ: Hiện nay Công ty không tiến hành trích lập dự phòng đối với những khách hàng khó có khả năng thanh toán, do vậy khi xảy ra trường hợp khách hàng bị phá sản không có khả năng thanh toán thì công ty không so khoản dự phòng để bù đắp rủi ro

-Về phương pháp tính giá vốn: Giá vốn hàng bán là một chỉ tiêu quan trọng trên báo cáo kết quả kinh doanh. Trong phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho Công ty sử dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ. Phương pháp này tuy đơn giản nhưng lại không mang lại hiệu quả chính xác và không phản ánh được tình hình biến động của giá cả.

Ảnh hưởng: Làm sai lệch kết quả kinh doanh của Công ty do đó làm ảnh hưởng trong việc ra quyết định của nhà quản lý.

3.2.Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Việt Cường.

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả

Khi Việt Nam chuyển sang nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phải quan tâm nhiều hơn về sản phẩm và hoạt động sản xuất kinh doanh của họ. Do vậy, các doanh nghiệp rất cần các thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về tình hình tiêu thụ lãi lỗ thực tế của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp để giải quyết, khắc phục các vấn đề nảy sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp. Những thông tin này có thể lấy từ nhiều nguồn khác nhau nên phải có sự thu thập và chọn lọc thông tin. Thu thập thông tin từ phòng kế toán là việc mà doanh nghiệp vẫn luôn được thực hiện do vậy kế toán là một công cụ quản lý rất quan trọng không thể bỏ qua

Đối với một doanh nghiệp Thương Mại với chức năng chủ yếu là lưu thông hàng hoá mà công tác kế toán doanh thu, chi phí lại ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận, kết qủa kinh doanh trong một thời kỳ của doanh nghiệp. Vì vậy, kế toán doanh thu, chi phí chiếm một tỷ trọng lớn trong công tác kế toán của doanh nghiệp Thương Mại. Chúng đòi hỏi phải có sự quản lý chặt chẽ các yếu tố: giá vốn, quá trình thanh toán, thu hồi công nợ và các khoản chi phí có liên quan. Điều này giúp cho việc hạch toán kết quả kinh doanh được chính xác, tiết kiệm được chi phí, tăng vòng quay vốn, thực hiện tốt các nghĩa vụ với nhà nước

Từ những đòi hỏi khách quan nói trên thì việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đòi hỏi:

- Việc hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm, lĩnh vực mà công ty kinh doanh bởi vì trên thực tế có những loại hình kinh doanh thì phù hợp với hình thức kế toán này nhưng cũng có những mô hình kinh doanh lại không phù hợp với hình thức kế toán ấy.

- Cần phải kết hợp giữa bộ phận kế toán tài chính và kế toán quản trị trong việc đưa ra các phương hướng hoàn thiện.

- Biện pháp đưa ra hoàn thiện phải có tính khả thi, tức là chi phí bỏ ra cho công việc hoàn thiện phải tương xứng với lợi ích mà chúng đem lại cho doanh nghiệp.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng luật pháp, các chế độ tài chính chuẩn mực kế toán mà Nhà nước và Bộ Tài Chính đã ban hành.

Qua quá trình thực tập tại Công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, tôi nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của công ty còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của Công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Tôi xin đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty như sau:

3.2.1.1.Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết

-Công ty cần lập sổ chi tiết bán hàng, và sổ chi tiết giá vốn hàng bán để xác định được lãi gộp của từng loại sản phẩm. Từ đó đưa ra các quyết định điều chỉnh kế hoạch kinh doanh

Mẫu sổ chi tiết bán hàng :

Đơn vị:....

Địa chỉ:....

Mẫu số 35-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư...)

Năm:...

Quyển số:....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ doanh thu	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531, 532)
A	B	D	E	F	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh						
			- Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

Ngày... tháng ... năm...

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Mẫu sổ chi phí, sản xuất, kinh doanh.

Đơn vị:....
Địa chỉ:....

Mẫu số36-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

(Dùng cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632)

- Tài khoản:...
- Tên phân xưởng:...
- Tên sản phẩm, dịch vụ:....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi nợ TK...							
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra						
							....	....	....	...	...	...
A	B	D	E	F	1	2	3	4	5	6	7	8
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ									
			- Cộng số phát sinh trong kỳ - Ghi có TK... - Số dư cuối kỳ									

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:...

Ngày... tháng ... năm...
Người ghi sổ
(Ký, họ tên)
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lấy lại ví dụ 1 ở chương 2;

Lập sổ chi tiết bán hàng với tên sản phẩm :thép góc (Biểu 36).Lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Biểu 37)

Biểu 36:

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm :Thép góc
Năm: 2009
Quyển số:....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ doanh thu	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521, 531, 532)
04/12	PT 150	04/12	Bán thép góc cho cty CP thép và vật tư HP	111	795	16.190	12.871.050		
15/12	HĐ 0044510	15/12	Bán thép góc cho nhà máy cơ khí chính xác 11	131	650	16.190	10.523.500		
…	…	…	…	…	…	…	…		
31/12	PKT07/12	31/12	Kết chuyển 511→911	911			1.120.125.000		
			Cộng sô phát sinh quý 4/2009		50.690		1.120.125.000		
			Doanh thu thuần				1.120.125.000		
			-Giá vốn hàng bán				1.014.210.000		
			-Lãi gộp				105.915.000		

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:....

Ngày... tháng ... năm...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 37

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

- Tài khoản: 632

- Tên sản phẩm, dịch vụ: thép góc

Năm 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi nợ TK...							
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra						
							....	....	....	...	...	.
04/12 15/12 … 31/12	PX 32 PX 70 … PKT08/12	04/12 15/12 … 31/12	Bán thép góc cho cty CP thép và vật tư HP Bán thép góc cho nhà máy cơ khí chính xác 11 … Kết chuyển 632→911	156 156 … 911	11.983.035 10.120.000 … 1.014.210.000							
			- Số phát sinh quý 4/2009		1.014.210.000							
			- Cộng số phát sinh quý 4/2009 - Số dư cuối kỳ		1.014.210.000							

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

Biểu 38.

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

- Tài khoản: 6422- CHI PHÍ QUẢN LÍ DOANH NGHIỆP

Năm 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi Nợ TK								
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra							
						64221	64222	64223	64224	64225	64226	64227	64228
30/10 … 31/12	PC 89 … PKT08/12	30/10 … 31/12	Thanh toán tiền mua hàng cho trung tâm thiết bị văn phòng … Kết chuyển 642→911	111 … 911	9.075.000 … 25.365.400			9.075.000					
			-Số phát sinh quý 4/2009		25.365.400								
			-Cộng số phát sinh quý 4/2009 -Số dư cuối kì		25.365.400								

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:...

Biểu 39;

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

- Tài khoản: 6421- CHI PHÍ BÁN HÀNG

Năm 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Ghi nợ TK							
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra						
						64211	64212	64213	64214	64215	64217	64218
25/11 … 31/12	PC 95 … PKT07/12	25/11 … 31/12	Thuê xe tải chở hàng cho công ty cổ phần thép Hoà Phát ….. Kết chuyển 642→911	111 … 911	2.348.715 …. 15.325.298						2.348.715	
			-Số phát sinh quý 4/2009		15.325.298							
			-Cộng số phát sinh quý 4/2009		15.325.298							

- Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
- Ngày mở sổ:...

3.2.1.2.Hoàn thiện chính sách chiết khấu tại Công ty.

Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm**.**

Như đã trình bày rõ tác dụng của các chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm. Để thu hút được nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, để tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, Công ty nên có chính sách khuyến khích khách hàng bằng cách áp dụng chính sách chiết khấu thương mại , chiết khấu thanh toán

* **Chiết khấu thương mại**: Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng

Công ty có thể áp dụng chiết khấu thương mại trong một số trường hợp sau

- Đối với khách hàng thường xuyên ký kết hợp đồng có giá trị lớn với công ty, công ty có thể: Giảm giá trị hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm nào đó trên tổng trị giá hợp đồng

- Đối với khách hàng lần đầu có mối quan hệ mua bán với công ty nhưng mua hàng với khối lượng lớn, công ty có thể áp dụng tỷ lệ chiết khấu cao hơn nhằm khuyến khích khách hàng có mối quan hệ thường xuyên hơn và thu hút các khách hàng có mối quan hệ mua bán với mình, tạo lợi thế cạnh tranh với doanh nghiệp khác kinh doanh cùng một mặt hàng

Để hạch toán chiết khấu thương mại công ty sử dụng tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại. Khi hạch toán phải đảm bảo: Chỉ hạch toán vào tài khoản này những khoản chiết khấu thương mại mà người mua được hưởng. Trong trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt mức chiết khấu thì khoản chiết khấu này được ghi giảm trừ vào giá bán trên hoá đơn lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không trực tiếp mua hàng hoặc khi số tiền chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn bán hàng lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua

Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu

thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản tiền chiết khấu này không được hạch toán vào TK 521.

Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại.

Kết cấu của TK521:

Bên nợ: Chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Bên có: Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK511 để xác định doanh thu thuần kỳ báo cáo.

Tk521 không có số dư.

TK 521 gồm 3 tài khoản cấp 2:

TK5211 – Chiết khấu hàng hoá

TK5212 – Chiết khấu thành phẩm

TK5213 – Chiết khấu dịch vụ

Phương pháp hạch toán như sau:

- Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi:

Nợ TK 521 - Chiết khấu thương mại (Số tiền đã trừ thuế GTGT phải nộp)

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111,112 - Thanh toán ngay

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

- Cuối kỳ kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua sang tài khoản 511 để xác định doan thu thuần

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521 - Chiết khấu thương mại

Ví dụ: trong quý 1, quý 2,quý 3 năm 2009 Công ty cơ khí Ngô Gia Tự thường xuyên kí kết hợp đồng mua bán có giá trị lớn đối với công ty, ngày 04/10/2009 công ty cơ khí Ngô Gia Tự mua sắt với tổng giá trị hợp đồng là 540.000.000 .Công ty dùng chiết khấu thương mại chiết khấu cho Công ty cơ khí Ngô Gia Tự 1%

Định khoản :

a.Nợ TK 521: 540.000.000x1%=5.400.000

Nợ TK 3331: 540.000

Có TK 131 : 5.940.000

b.Nợ Tk 511 : 5.400.000

Có TK 521: 5.400.000

***Chiết khấu thanh toán** là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết. Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635 – Chi phí hoạt động tài chính..

Kết cấu TK 635.Chi phí tài chính

Bên Nợ: Các khoản chi phí tài chính phát sinh trong kì.

Bên Có :

+Các khoản ghi giảm chi phí tài chính.

+ Kết chuyển chi phí tài chính để xác định kết quả kinh doanh.

TK635 không có số dư.

Công ty nên quy định thời gian thanh toán tiền hàng ví dụ trong một tháng. Để công ty thu được tiền sớm, tránh tình trạng bị khách hàng chiếm dụng vốn công ty có thể sử dụng chiết khấu thanh toán. Như vậy, công ty sẽ tránh khỏi tình trạng bị chiếm dụng vốn, đồng thời làm tăng vòng quay của vốn giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả kinh doanh. Để áp dụng chiết khấu thanh toán trước hết công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp.

Sau khi xác định mức chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua TK 635 -Chi phí tài chính (phản ánh khoản chi phí cty phải chịu do giảm trừ khoản phải thu do khách hàng thanh toán trước thời hạn)

Hàng tháng, kế toán tổng hợp căn cứ vào chứng từ ghi chép các khoản chiết khấu thanh toán dành cho từng khách hàng để ghi vào sổ sách theo định khoản sau:

Nợ TK 635

Có TK 131, 111…

Ví dụ: *Trong tháng 11 cty CP thép và vật tư HP còn nợ công ty là 263.860.686 đ..hạn trả vào 30/12/2009*

- công ty CP thép và vật tư HP thanh toán tiền hàng cho công ty vào ngày 02/12/2009.Công ty chiết khấu thanh toán cho khách hàng là 1%.đã thanh toán cho khách hàng bằng tiền mặt.

Nợ TK 635 : 263.860.686 x 1%=2.638.606

Có TK 111 :2.638.606

3.2.1.3.Hoàn thiện về lập dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty phải theo dõi và thu hồi công nợ đúng hạn, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng. Công ty nên tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi để tránh những rủi ro trong kinh doanh khi khách hàng không có khả năng thanh toán. Dự phòng phải thu khó đòi được phản ánh vào tài khoản 139.

*Theo thông tư 228 /2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 dự phòng nợ phải thu khó đòi thoả mãn điều kiện sau:

Điều kiện: là các khoản nợ phải thu khó đòi đảm bảo các điều kiện sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng..) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Phương pháp lập dự phòng:

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết… thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Xử lý khoản dự phòng:

- Khi các khoản nợ phải thu được xác định khó đòi, doanh nghiệp phải trích lập dự phòng theo các quy định như trên đã nêu;

+ nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi , thì doanh nghiệp không phải trích lập;

+ Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải trích thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp phần chênh lệch;

+Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

Ví dụ; Trên hợp đồng kinh tế ghi:

- ngày 31/5/2009 Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng phải thanh toán hết số tiền nợ mua hàng là 120.000.000

-Ngày 31/12/2008 Công ty Cổ phần thép Hoà phát phải thanh toán hết số tiền nợ mua hàng là 210.000.000

Tính đến ngày 31/12/2009 công ty đều có nợ phải thu quá hạn thanh toán của 2 công ty trên.

Mức trích lập dự phòng như sau:

+Đối với Công ty Cổ phần thép và vật tư Hải Phòng quá hạn 7 tháng là 120.000.000x30%=36.000.000

Nợ TK642: 36.000.000

Có TK139: 36.000.000

+Đối với Công ty thép Hoà Phát quá hạn 1 năm là

210.000.000x50%=105.000.000

Nợ TK 642: 105.000.000

Có TK 139 : 105.000.000

3.2.1.4..Hoàn thiện về vận dụng phần mềm trong tổ chức hạch toán kế toán

Ngày nay khi công nghệ tin học ngày càng phát triển thì việc ứng dụng tin học vào đời sống xã hội đã và đang trở thành một xu hướng đúng đắn, trong đó đối với công tác kế toán nói riêng là một tất yếu. Bởi vì khi ứng dụng máy tính vào công tác kế toán sẽ vừa đảm bảo yêu cầu quản lý, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán.

Hình thức kế toán mà công ty áp dụng là hình thức "Nhật kí chung", hình thức này số lượng trùng lặp ghi sổ rất nhiều, cồng kềnh nên việc áp dụng phần mềm vi tính là rất phù hợp. Phần mềm kế toán phải được thiết kế theo nguyên tắc ghi sổ của hình thức "Nhật kí chung".

Sử dụng phần mềm kế toán trên máy vi tính giảm thiểu tối đa việc nhầm lẫn trong tính toán, ghi chép kế toán, đảm bảo được chính xác, trung thực cao, tiết kiệm được nhân lực và chi phí, thuận lợi cho công tác kiểm tra, theo dõi hạch toán

kế toán.

Công ty có thể mua phần mềm kế toán ở các Công ty phần mềm nổi tiếng như phần mềm MiSA, phần mềm kế toán Việt,…

3.2.1.5. Hoàn thiện Về việc luân chuyển chứng từ.

Hiện nay theo quy định của công ty, các chứng từ ban đầu là các hoá đơn GTGT đều do phòng Kinh doanh và các cửa hàng lập rồi mới chuyển lên phòng Kế toán. Quy trình luân chuyển như vậy là không sai so với chế độ kế toán hiện hành, song trong quá trình luân chuyển dễ dẫn đến hiện tượng mất mát chứng từ. Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi giao nhận chứng từ thì các bên đều phải ký nhận vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý. Việc này giúp quản lý chặt chẽ chứng từ của công ty. Đồng thời nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung. Dưới đây, em xin mở phiếu giao nhận chứng từ.

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Từ ngày.... đến ngày….

Tên (sản phẩm, hàng hoá)	**Số hiệu chứng từ**	**Số lượng chứng từ**	**Số tiền**	**Ký nhận**
1	**2**	**3**	**4**	**5**

KẾT LUẬN

Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chiếm vị trí, vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Thông qua hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp, các đối tượng cần tìm hiểu về doanh nghiệp biết được doanh nghiệp đó hoạt động có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định về mặt chiến lược đối với doanh nghiệp, quyết định đầu tư đối với các nhà đầu tư

Khoá luận: "Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần Việt Cường" đã nêu được các vấn đề cơ bản sau:

- Về mặt lý luận: Nêu được những vấn đề nhận thức về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, kế toán doanh thu, kế toán chi phí cho hàng bán ra và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp
- Về mặt thực tế: Đã nêu được tình hình số liệu công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí cho hàng bán ra, kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần Việt Cường năm 2009
- Về giải pháp nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh ở Công ty, từ thực tế nắm bắt được, đối chiếu với lý luận đã học và qua tìm hiểu nghiên cứu tài liệu đã nêu ra một số ý kiến về hoàn thiện công tác quản lý, sản xuất kinh doanh và hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nói chung, hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh nói riêng

Do điều kiện thời gian và trình độ còn hạn chế, khoá luận không thể tránh khỏi những thiếu sót, khuyết điểm, em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của cô chú cán bộ Công ty cổ phầnViệt Cường, của các thầy cô và của Cô giáo hướng dẫn

Sinh viên

Ngô Thị Nga

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1- Kế toán tài chính - Nhà xuất bản Tài chính Hà Nội

2- Chế độ kế toán doanh nghiệp - Bộ tài chính

Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán

Quyển 2: Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán

3- Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính - Nhà xuất bản Tài chính Hà Nội

4- Khoá luận của các anh chị khoá trên trường ĐHDL Hải Phòng.